

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 4 năm 2015

CHỖ NG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

- Tên chương trình: Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Việt Nam học

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Ngành đào tạo: Việt Nam học

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Mã ngành đào tạo: 52.22.01.06

- Trưởng nhóm dự án: PGS.TS. Lê Khắc Cường

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học bậc đại học là chương trình đào tạo dành cho đại học sinh viên là Việt kiều và người nước ngoài, học ngành đào tạo nhằm cung cấp nhân có kiến thức chuyên môn vững, khả năng thu nhận thức, có tinh thần, thái độ phục vụ tốt, đáp ứng nhu cầu cao yêu cầu của công việc liên quan đến đất nước, con người Việt Nam. Chương trình đào tạo được thiết kế với mục tiêu:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và nhân văn.
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về đất nước, con người Việt Nam.
- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chủ đề Việt.
- Rèn luyện và phát triển khả năng vận dụng lý thuyết liên quan vào thực tiễn nghiên cứu cho sinh viên.
- Rèn luyện và phát triển cho sinh viên các khả năng làm việc cơ bản.

1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.2.1. Trình độ kiến thức

Cán nhân ngành Việt Nam học được trang bị có hệ thống các kiến thức sau:

- Những kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và hành vi, tổ chức xã hội sinh viên học tập, nghiên cứu Việt Nam học;
- Những kiến thức cơ bản, hiện đại về đất nước, con người Việt Nam (lịch sử, văn hoá, xã hội, ngôn ngữ, văn học, kinh tế, chính trị);
- Những kiến thức cơ bản về các chủ đề Việt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp); mặt số lượng có chèn lồng và quy tắc ngữ pháp để sinh viên hoàn thiện 4 kỹ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Việt.
- Kiến thức bổ trợ: Tin học văn phòng, viết, biên tập văn bản,...

1.2.2. Năng lực nhận thức, tự duy/kỹ năng thực hành

Cán nhân ngành Việt Nam học được đào tạo để đáp ứng đáp ứng mức độ cao nhu cầu của thị trường lao động. Cán nhân ngành Việt Nam học:

- Biết vận dụng những kiến thức cơ bản, hiện đại về Việt Nam học vào các công việc cụ thể;
- Sử dụng thông thạo tiếng Việt (nói và viết) trong các tình huống giao tiếp khác nhau (trang

trung, thân mật...), trong công tác phiên dịch, biên dịch; có khả năng giao tiếp hiệu quả.

- Có khả năng làm việc nhóm và làm việc trong tổ chức, đặc biệt là với nhóm/tổ chức có người Việt Nam.

- Sinh viên nước ngoài và Việt kiều khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng thông thạo tiếng Việt trong công tác và cuộc sống hàng ngày trong các tình huống giao tiếp khác nhau (trang trung, thân mật,...).

1.2.3 Phẩm chất nhân văn

Cán bộ ngành Việt Nam học được đào tạo về chuyên môn chuyên sâu, có tri thức vững vàng và năng lực phẩm chất nhân văn tốt đẹp:

- Có đức tính trung thực, giáo dục về đạo đức nghề nghiệp để hiểu được trách nhiệm của một công dân, trách nhiệm đối với nghề nghiệp, trách nhiệm với cộng đồng xã hội và bản thân.

1.2.4 Vị trí việc làm và cơ hội học lên trình độ cao hơn

Vị trí làm việc

Cán bộ ngành Việt Nam học có thể làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tiếng Việt tại các trường đại học, cao đẳng, trung học phổ thông tại chính quốc hoặc tại các cơ sở giáo dục có trường tiếng tại Việt Nam; làm công tác biên – phiên dịch tiếng Việt trong các cơ quan kinh tế, ngoại giao, giáo dục, truyền thông của nước ngoài; làm hướng dẫn viên du lịch,...

Cơ hội học lên cao hơn

Cán nhân ngành Việt Nam học có thể tiếp tục học bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) chuyên ngành Việt Nam học hoặc các chuyên ngành gần như Ngôn ngữ học, Văn hoá học, Lịch sử Việt Nam, Nhân học,...

1.3. Ma trận tổng quan giữa các tiêu đề, chủ đề và môn học

1.3.1 Ma trận giữa các tiêu đề và các học phần

Mức tiêu đề (M)

Các học phần trong CTĐT

M1.

Trang bìa cho sinh viên học ngành kiến thức nền tảng và khoa học xã hội, nhân văn

- Nội dung nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin

- Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam

- Tổng quan Hồ Chí Minh

- Môi trường và phát triển

- Lịch sử văn minh thế giới

- Địa lý và cư dân các nước Đông Nam Á

- Tiến trình lịch sử Việt Nam

- Cơ sở văn hoá Việt Nam

- Khoa học Việt Nam

- Kinh tế học đại chúng

- Lịch sử học đại chúng

- Xã hội học đại chúng

- Văn minh Đông Nam Á

- Thống kê cho khoa học xã hội

- Kinh tế học đại chúng

- Ngôn ngữ học

- Nhân học đại cương

- Tâm lý học đại cương

- Tôn giáo học đại cương

- Pháp luật đại cương

- Chính trị học đại cương

M2.

Trang bìa cho sinh viên học ngành kiến thức cơ bản, hiện đại và phát triển, con người

- Nhập môn khu vực học và Việt Nam học

- ASEAN và quan hệ Việt Nam – ASEAN

- Văn hoá báo chí đại chúng của người Việt

- Văn hoá ứng xử Việt Nam

- Các dân tộc ít người ở Việt Nam

- Kinh tế Việt Nam

- Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại

- Văn hoá du lịch Việt Nam

- Địa lý Việt Nam: tự nhiên, nhân văn, kinh tế

- Các tôn giáo ở Việt Nam

- Làng xã Việt Nam

- Các đặc trưng sinh thái môi trường nông Việt Nam

- Đặc trưng văn học Việt Nam

- Văn học dân gian Việt Nam

- Truyền thống Việt Nam hiện đại

M3.

Trang bìa cho sinh viên nộp ở nộp ngoài nhúng kèm theo các bìa và chú ý

- Lịch sử tiếng Việt

- Các hình ngôn ngữ ở Việt Nam

- Tiếng Việt trung cổ, nâng cao, hình thức

- Ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng tiếng Việt

- Phong cách ngôn ngữ tiếng Việt

- Phong cách hình thức tiếng Việt

- Từ Hán – Việt

- Tiếng Việt báo chí, tiếng Việt thông tin

- Ngôn ngữ hình thức chi tiết

M4.

Rèn luyện và phát triển khả năng vận dụng lý thuyết liên quan vào thực tiễn

- Phong cách pháp hình thức hình thức

- Phong cách pháp nghiên cứu khoa học

- Phong cách pháp giảng dạy ngoại ngữ

- Lý thuyết diction

- Ngôn ngữ học đại cương

- Các phương pháp liên kết và số nhân theo văn bản tiếng Việt

- Lôgic học đại cương

- Tâm lý học đại cương

- Pháp luật đại cương

- Thủ ngữ kê cho khoa học xã hội

- Thủ tục pháp lý

- Khóa luận tốt nghiệp

M5.

Trang bìa cho sinh viên ngành Văn (tiếng Việt) và kiến thức tin học đại số

- Tin học căn bản

- Ngoại ngữ 2 (tiếng Việt)

1.3.2 Ma trận giữa các tiêu đề và chú d u ra của CTĐT

Mục tiêu đầu o

Chú n đ u ra của CTĐT

M1

Trang b cho sinh viên nh ng ki n th c n n t ng v khoa h c xã h i và nhân văn.

C1

Sinh viên t t nghi p n m v ng nh ng ki n th c n n t ng v khoa h c xã h i và nhân văn.

M2

Cung c p cho sinh viên nh ng ki n th c c b n, h th ng, hi n đ i và thi t th c v đ t n c, con ng

C2

Sinh viên tốt nghiệp phẩm văn chương nghiệp kiến thức cơ bản, hiểu biết và đạt năng lực, con người Việt Nam (không chỉ)

M3

Trang bày cho sinh viên nghiệp kiến thức cơ bản và các câu tiếng Việt.

C3

Sinh viên tốt nghiệp phẩm văn chương nghiệp kiến thức cơ bản và các câu tiếng Việt (nghe âm, trả văn, ngữ pháp)

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng thông thạo tiếng Việt trong công tác và cuộc sống sinh

M 4

Rèn luyện và phát triển cho sinh viên khả năng vận dụng lý thuyết liên quan vào thực tiễn nghề nghiệp.

C 4

Áp dụng được nghiệp kiến thức cơ bản, hiểu biết và Việt Nam học vào thực tiễn nghề nghiệp;

Có khả năng giao tiếp xã hội hiệu quả.

Có khả năng làm việc nhóm và làm việc trong môi trường học, đặc biệt là với nhóm/đồng nghiệp có ngôn ngữ Việt Nam.

Có thái độ đúng mực, tích cực, khoa học.

M 5

Trang bị cho sinh viên ngoại ngữ 2 (tiếng Việt) và kiến thức tin học để sử dụng trong đời sống, công tác.

C 5

Sinh viên tốt nghiệp sử dụng được tiếng Việt trong giao tiếp, nghiên cứu; sinh viên phải đạt trình độ tin

1.3.3 Ma trận giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

TT

Mã MH

Tên môn học

Chuẩn đầu ra [1](#)

C1

C2

C3

C4

C5

1

DAI001

Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin I

2

2

2

DAI002

Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin II

2

2

3

DAI003

Điền vào chỗ trống cách mạng của ĐCS Việt Nam

2

2

4

DAI004

Tên tiếng Anh Hồ Chí Minh

2

2

5

DAI005

Thống kê cho khoa học xã hội

2

2

6

DAI006

Môi trường và phát triển

2

1

7

DAI012

Cơ sở văn hoá Việt Nam

2

2

1

8

DAI013

Điền luồn Ngôn ngữ học

1

1

9

DAI016

Lịch sử văn minh thế giới

2

1

10

DAI017

Tiến trình lịch sử Vật lý Nam

2

2

11

DAI021

Lịch sử học đại học

1

1

12

DAI022

Xã hội học đi công

2

1

1

13

DAI027

Kinh tế học đi công

1

1

14

DAI036

Phương pháp nghiên cứu khoa học

2

2

15

VNH018

Phương pháp học đại học

2

2

16

DAI023

Tâm lý học đại chúng

1

1

1

17

DAI024

Nhân học đại chúng

1

1

1

18

DAI025

Pháp luật đời sống

2

2

1

19

DAI029

Chính trị học đời sống

1

1

20

DAI030

Tôn giáo học đại học

1

1

21

DAI048

Tin học đại học [3](#)

3

22

VNH023

Tiếng Việt trung cấp: Nói

3

2

3

23

VNH022

Tiếng Việt trung cấp: Nghe

3

2

3

24

VNH021

Tiếng Việt trung cấp: Đọc

3

2

3

25

VNH024

Tiếng Việt trung cấp: Việt

3

2

3

26

VNH021

Tiêu ngữ Việt trung cấp: Đức

3

2

3

27

VNH022

Tiêu ngữ Việt trung cấp: Nghe

3

2

3

28

VNH023

Tiếng Việt trung cấp: Nói

3

2

3

29

VNH024

Tiêu đề bài tập trung cấp: Vật lý

3

2

3

30

VNH030

Tiêu đề bài tập nâng cao: Động học

3

2

3

31

VNH031

Tiếng Việt nâng cao: Nghe

3

2

3

32

VNH032

Tiếng Việt nâng cao: Nói

3

2

3

33

VNH033

Tiêu ng Việt nâng cao: Việt

3

2

3

34

VNH025

Tiêu ngữ Việt học thu nhập: Đ

3

2

3

35

VNH026

Tiêu ngữ Việt học thu nhập: Nghe

3

2

3

36

VNH027

Tiếng Việt học thuật: Nói

3

2

3

37

VNH028

Tiếng Việt học thuật: Viết

3

2

3

38

VNH015

Nhập môn khu vực học và Việt Nam học

2

3

39

VNH040

Kinh tế Việt Nam

1

2

40

VNH041

Hồ sơ đăng ký chính thức Việt Nam hiện đại

1

2

41

VNH009

Đa lý Việt Nam: tự nhiên-nhân văn-kinh tế

1

2

42

VNH006

Đi công việc văn học Việt Nam

1

3

2

43

VNH013

Ngôn pháp tiếng Việt

1

3

2

44

DAI014

Ngôn ngữ học đại cương

1

45

VNH004

Các phương tiện liên kết và số nhân tố văn bản tiếng Việt

2

46

VNH036

Văn hoá du lịch Việt Nam

2

2

47

LSU065

Khoa học Việt Nam

1

1

48

VNH038

Văn minh Đông Nam Á

1

1

49

VNH001

ASEAN và Quan hệ VN – ASEAN

1

1

50

VNH008

Địa lý và cư dân các nước Đông Nam Á

2

2

51

VNH002

Các đặc trưng sinh thái môi trường VN

1

1

52

VNH035

Văn hoá báo chí mĩ thuật Việt Nam

2

2

53

VNH037

Văn hoá vùng x Việt Nam

2

2

54

VNH039

Các dân tộc Việt Nam

1

1

55

VNH005

Các tôn giáo Việt Nam

2

2

1

56

VNH012

Ngữ âm tiếng Việt thực hành

1

57

VNH034

Từ vựng tiếng Việt thực hành

1

58

VNH003

Các hình ngôn ngữ ở Việt Nam

2

59

VNH011

Lý thuyết dục

1

60

DAI039

Lịch sử tiếng Việt

1

61

VNH016

Phong cách ngôn ngữ tiếng Việt

1

62

VNH044

Phong cách học tiếng Việt

1

63

VNH045

Tiếng Hán - Việt

1

64

VNH046

Văn học dân gian Việt Nam

1

2

65

VNH017

Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ

1

1

66

VNH047

Truyền ngôn ngữ Việt Nam hiện đại

1

1

67

VNH020

Tiếng Việt báo chí

1

1

1

68

VNH029

Tiếng Việt thông mĩ

1

1

69

DAI014

Ngôn ngữ học đại chi u

1

1

70

VNH019

Thức tập t nghiệp

3

3

3

2

2

71

VNH010

Khoá luận t nghiệp

2

2

2. Thời gian đào tạo

Chương trình cử nhân ngành Vật lý Nam học cho sinh viên ngoại quốc ngoài nước đào tạo với thời gian chuẩn là 4 (bốn) năm. Tuy nhiên, tùy theo khả năng học tập, sinh viên có thể rút ngắn thời gian học tập tối đa 1 (một) học kỳ chính hoặc có thể kéo dài thời gian học tập tối đa là 4 (bốn) học kỳ chính (tổng số năm học từ 3,5 (ba năm rưỡi) năm đến 6 (sáu) năm).

Quy chế đào tạo: Chương trình giáo dục đại học ngành Vật lý Nam học được thực hiện theo các văn bản sau:

- “Quy chế đào tạo đại học và Cao đẳng học chính quy theo hình thức tín chỉ” được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- “Quy chế đào tạo theo hình thức tín chỉ” được ban hành theo Quyết định số 1368/QĐ/ĐHQG ĐH&SDH ngày 21/11/2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- “Quy chế đào tạo theo hình thức tín chỉ bậc đại học học chính quy” được ban hành theo Quyết định số 64/QĐ-ĐT ngày 16/02/2009 của Hội đồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.

- “Quy chế quản lý ngoại quốc ngoài nước học tập tại Việt Nam” của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Khái lược ngành kiến thức toàn khoá

Chương trình đào tạo của nhân Việt Nam học cho sinh viên nước ngoài được thiết kế với khái lược kiến thức tích hợp cho toàn khoá học là 140 tín chỉ, gồm hai khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương (45 tín chỉ) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (95 tín chỉ).

Thức tập thực tế và khoá luận tốt nghiệp thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: Thức tập - thực tế được tính bằng 04 tín chỉ; khoá luận tốt nghiệp được tính bằng 10 tín chỉ (dành cho sinh viên đi đầu kiến thức chuyên làm khoá luận tốt nghiệp).

Sinh viên nước ngoài được miễn 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Điều kiện tuyển sinh

Điều kiện tuyển sinh cho chương trình đào tạo của nhân chuyên ngành Việt Nam học gồm những nhóm người sau:

a) Những người nước ngoài có nguyện vọng học bậc đại học chuyên ngành Việt Nam học.

b) Những người gốc Việt nước ngoài muốn tìm hiểu sâu về ngôn ngữ, văn hoá dân tộc.

Điều kiện dự tuyển: Những người muốn theo học chính thức chương trình học Cử nhân ngành Việt Nam học phải tốt nghiệp phổ thông trung học (học 12 năm) hoặc văn bằng tương đương và phải qua kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Việt (trình độ cấp 5).

nhân ngành Vật lý Nam học:

- Sinh viên tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo (tổng cộng tại thi cử 140 tín chỉ cho toàn khóa học).

- Không còn nợ Nhà trường bất cứ thứ gì, kể cả điếm các học phần, học phí, sách báo của Trường v.v...

6. Thang điểm:

Thang điểm được tính theo thang điểm 10. Điểm kiểm tra, điểm thi cuối môn học được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,5. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được lấy đến 02 chữ số thập phân.

7. Nội dung chương trình

* Chương trình đào tạo của nhân Vật lý Nam học có tổng số tín chỉ tích lũy toàn khóa là 140 tín chỉ, với khung kiến thức tổng quát như sau:

Khối kiến thức

Khối lượng tín chỉ

Ghi chú

1. Giáo dục đại học

35 tín chỉ.

2. Giáo dục chuyên nghiệp

105 tín chỉ

2.1. Kiến thức cơ sở

60 tín chỉ

2.2. Kiến thức ngành

45 tín chỉ

Tổng cộng

140 tín chỉ

* Nội dung chương trình đào tạo của nhân Việt Nam học được thiết kế cụ thể như sau:

TT

Mã môn học

Tên môn học (Subject name)

Tín chỉ

Tổng cộng

Lý thuyết

Thực hành

Khác (nếu có)

7.1 Kiến thức giáo dục đại cương

(

Foundation Subjects

35

7.1.1 Các môn lý luận chính trị

10

10

1

DAI001

Các nguyên lý cơ bản của Cơ học cổ điển và Cơ học lượng tử	Principles I
--	--------------

02

02

2

DAI002

Các nguyên lý cơ bản của Cơ học cổ điển và Cơ học lượng tử	Principles II
--	---------------

03

03

3

DAI003

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

(Directions and policies	of	Vietnam Communi
---	-------------------------	----	-----------------

03

03

4

DAI004

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh	Ideology)
------------------------	-------------	----------	---

02

02

7.1.2 Các môn nhân văn – nghệ thuật	(Philology Subjects)
-------------------------------------	----------------------

22

22

* Nhóm học phần bắt buộc	(Compulsory
--------------------------	---	------------

18

18

1

DAI005

Thống kê cho khoa học xã hội

(Statistics for Social Sciences)

02

02

2

DAI006

Môi trường và phát triển

(Environment and Development

02

02

3

DAI012

Cơ sở văn hoá Việt Nam

(Introduction to Vietnamese Culture)
---	------------------------------------	---

02

02

4

DAI016

Lịch sử văn minh thế giới

(History of World Civilization)
---	-------------------------------	---

03

03

5

DAI017

Tiến trình lịch sử Việt Nam

(Process of Vietnamese History)

03

03

6

DAI021

Xã hội học đại cương (Introduction to Sociology)

02

02

7

DAI033

Phương pháp nghiên cứu khoa học

(Research Methodology)

02

02

8

VNH018

Phương pháp học đại học

(Study Methods at University)

02

02

* Nhóm học phần tự chọn (Optional Subjects): Sinh viên chọn 4 tín chỉ

04

04

1

DAI013

Định luận Ngôn ngữ học

(Introduction to Linguistics)

02

02

2

DAI020

Lôgic h^{ọc} đ^{ại} c^ơ n^g (Introduction to Logic)

02

02

3

DAI022

Tâm lý h^{ọc} đ^{ại} c^ơ n^g

(Introduction to Psychology)

02

02

4

DAI023

Nhân học đại cương

(Introduction to Anthropology)

02

02

5

DAI024

Pháp luật đại cương

(Introduction to General Law)

02

02

6

DAI026

Kinh tế đại cương (Overview of economics)

02

02

7

DAI028

Chính trị học đại cương

(Introduction to Politics)

02

02

8

DAI039

Tôn giáo học đại cương

(Introduction to Religious Studies
---	-----------------------------------

02

02

7.1.3 Tin học đại cương	(Overview of Computing)	: Sinh viên tích luỹ
-------------------------	-------------------------	----------------------

03

7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

(Major Subjects/	Professional Education
---	-----------------	------------------------

105

7.2.1 Kiến thức cơ sở (Common subjects)
-------------------------	-----------------	---

60

24

36

1

VNH021

Tiếng Việt trung cấp: Đọc

(Intermediate Vietnamese: Reading)

05

02

03

2

VNH022

Tiếng Việt trung cấp: Nghe

(Intermediate Vietnamese: Listening)

05

02

03

3

VNH023

Tiếng Việt trung cấp: Nói

(Intermediate Vietnamese : Speaking)

05

02

03

4

VNH024

Tiếng Việt trung cấp: Việt

(Intermediate Vietnamese: Writing

05

02

03

5

VNH030

Tiếng Việt nâng cao: Đọc

(Advanced Vietnamese: Reading

05

02

03

6

VNH031

Tiếng Việt nâng cao: Nghe

(Advanced Vietnamese: Listening)

05

02

03

7

VNH032

Tiếng Việt nâng cao: Nói

(Advanced Vietnamese: Speaking)

05

02

03

8

VNH033

Tiếng Việt nâng cao: Việt

(Advanced Vietnamese:	Writing)
---	----------------------	---------	---

05

02

03

9

VNH025

Tiếng Việt học thuật: Đọc

(Academic Vietnamese: Reading

05

02

03

10

VNH026

Tiếng Việt học thuật: Nghe

(Academic Vietnamese: Listening

05

02

03

11

VNH027

Tiếng Việt học thuật: Nói

(Academic Vietnamese: Speaking

05

02

03

12

VNH028

Tiếng Việt học thuật: Việt

(Academic Vietnamese: Writing

05

02

03

7.2.2. Kiến thức ngành (Specialized subjects)

45

7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành - nhóm học phần bắt buộc	Compulsory
---	------------

25

24

02

1

VNH003

Các họ ngôn ngữ ở Việt Nam (Language Families in Vietnam)

02

02

00

2

VNH005

Các tôn giáo ở Việt Nam

(Religions in Vietnam)

02

02

00

3

VNH006

Đề thi công khai văn học Việt Nam

(Introduction to Vietnamese Literature

03

03

00

4

VNH009

Địa lý Việt Nam: tự nhiên, nhân văn, kinh tế (and Economic Geography of Vietnam

02

02

00

5

VNH013

Ngữ pháp tiếng Việt

(Vietnamese Grammar)

03

02

01

6

VNH015

Nhập môn khu vực học và Văn hóa (Introduction to Area and Vietnamese Studies)

03

03

00

7

VNH036

Văn hoá du lịch Việt Nam

(Vietnam	's	Tourist Culture
---	---------	----	-----------------

02

01

01

8

VNH039

Văn hoá các dân tộc Việt Nam Ethnic groups' cultures in Vietnam

02

02

00

9

VNH040

Kinh tế Việt Nam

(Vietnamese Economy

)

02

02

00

10

VNH041

Hệ thống chính trị Việt Nam / Modern Political System of Vietnam

02

02

00

11

VNH046

Văn học dân gian Việt Nam / Vietnamese Folk Literature

02

02

00

7.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (- Nhóm học phần tự chọn	Optional Subjects):
---	---------------------

16

Nhóm các học phần về văn hoá,	xã hội, kinh tế
-------------------------------	-----------------

(Cultu	re,	Society
--------	-----	---------

16

16

00

1

VNH001

ASEAN và Quan hệ VN – ASEAN

(ASEAN and Relationship between Vietnam and ASEAN

02

02

00

2

VNH002

Các đặc trưng sinh thái môi trường và Đặc điểm Sinh thái và Đặc điểm Sinh thái của Việt Nam

02

02

00

3

VNH008

Đa lý và cư dân các nước Đông Nam Á (Ethnicity and Peoples in Southeast Asia)

02

02

00

4

VNH035

Văn hoá bền vững và phát triển Việt Nam (-sustaining	c
---	-------------	---

02

02

00

5

VNH037

Văn hoá ứng xử Việt Nam

(Etiquettes in Vietnamese Culture
---	----------------------------------

02

02

00

6

VNH038

Văn hoá Đông Nam Á (Southeast Asian Culture)
----------------------	-------------------------	---

02

02

00

7

VNH039

Các dân tộc ở Việt Nam

(Ethnic groups in Vietnam)

02

02

00

8

LSU065

Khảo cổ học Việt Nam (Vietnamese Archeology)

02

02

00

Nhóm các học phần văn khoa học ngữ văn (Philology

Module

22

13

09

1

VNH004

Các phương tiện liên kết và Vietnamese Connectives and (Writing)

02

01

01

2

VNH011

Lý thuyết dịch

(Translation Theory)

02

01

01

3

VNH012

Ngữ âm tiếng Việt thực hành

(Vietnamese Practical Phonetics)

02

01

01

6

VNH016

Phân ngành tiếng Việt (Vietnamese Dialects)

02

02

00

4

VNH017

Phân ngành pháp ngữ dõ y ngữ i ngữ

(Methods in Teaching Foreign Languages

02

01

01

5

DAI014

Ngôn ngữ học đối chiếu

(Contrastive Linguistics)

02

02

00

6

VNH020

Tiếng Việt báo chí

(Media Vietnamese)

02

01

01

7

VNH029

Tiếng Việt thông mĩ

(Business Vietnamese)

02

01

01

8

VNH034

Từ vựng tiếng Việt thực hành

(Vietnamese Practical Lexicology)

02

01

01

9

VNH039

Lịch sử tiếng Việt

(History of Vietnamese	Language)
---	-----------------------	----------	---

02

02

00

01

VNH044

Phong cách học tiếng Việt

(Vietnamese Stylistics)

02

01

01

11

VNH045

Từ Hán - Việt

(Sino-Vietnamese Lexicon)

02

01

01

12

VNH047

Truyện ngắn Việt Nam hiện đại

(Modern Vietnamese Short Stories
---	---------------------------------

02

02

00

7.2.2.3 Thực tập thực địa	(Internship/Field trip)
---------------------------	-------------------------

04

1

VNH019

Thực tập thực địa

(Internship/Field trip)

04

00

04

7.2.2.4 Khoá luận tốt nghiệp

10

1

VNH010

Khoá luận tốt nghiệp (Thesis) [5](#)

10

00

10

TỔNG CỘNG TÍNH CHẤM TÍCH LUẬN (Total):

140

8. Điều kiện học bổng nghiên cứu

Theo học chế tín chỉ, để tạo điều kiện cho sinh viên được học tập trong việc lập kế hoạch học tập của mình, trong mỗi năm học, toàn bộ các học phần bắt buộc sẽ được bố trí trong hai học kỳ chính của mỗi năm học. (Các học kỳ 1, 3, 5 được tổ chức từ tháng 9 đến tháng 1; các học kỳ 2, 4, 6 được tổ chức từ tháng 2 đến tháng 6).

Học kỳ Hệ số được tính cho những sinh viên thi không đạt môn học phần học kỳ chính được đăng ký học lại hoặc cho những sinh viên ghi nhận học để kết thúc sớm chương trình đào tạo.

Số TT

Mã môn học

Tên môn học

Số tín chỉ

Tổng số

Lý thuyết

Thực hành

Học kỳ thứ 1:

1

VNH021

Tiếng Việt trung cấp: Đọc

(Intermediate Vietnamese:	Reading)
---	--------------------------	---------	---

05

02

03

2

VNH022

Tiếng Việt trung cấp: Nghe

(Intermediate Vietnamese:	Listening)
---	--------------------------	-----------	---

05

02

03

3

VNH023

Tiếng Việt trung cấp:	Nói
-----------------------	-----

(Intermediate Vietnamese	:	Spe
---	-------------------------	---	-----

05

02

03

4

VNH024

Tiếng Việt trung cấp: Việt

(Intermediate Vietnamese: Writing)

05

02

03

Tiếng Anh

20

8

12

Học kỳ thứ 2: (Điều kiện: SV phải tích lũy đủ các học phần học kỳ 1)

1

VNH030

Tiếng Việt nâng cao: Đọc

(Advanced Vietnamese: Reading)

05

02

03

2

VNH031

Tiếng Việt nâng cao: Nghe

(Advanced Vietnamese: Listening)

05

02

03

3

VNH032

Tiếng Việt nâng cao: Nói

(Advanced Vietnamese: Speaking)

05

02

03

4

VNH033

Tiếng Việt nâng cao: Việt

(Advanced Vietnamese:	Writing)
---	----------------------	---------	---

05

02

03

5

VNH018

Phương pháp học đại học

(Study Methods at University)
---	-----------------------------	---

02

02

00

Tên công

22

10

12

Học kỳ 3 (Điều kiện: SV phải tích lũy đủ các học phần học kỳ 2)

1

VNH025

Tên Việt học thuật: Đức

(Academic Vietnamese: Reading)

05

02

03

2

VNH026

Tiếng Việt học thuật: Nghe

(Academic Vietnamese: Listening)

05

02

03

3

VNH027

Tiếng Việt học thuật: Nói

(Academic Vietnamese: Speaking)

05

02

03

4

VNH028

Tiếng Việt học thuật: Viết

(Academic Vietnamese: Writing)

05

02

03

Tổng cộng

20

08

12

Học kỳ 4 (Điều kiện: SV phải tích lũy đủ các học phần học kỳ 3)

1

DAI001

Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin I (P rinci

02

02

00

2

DAI002

Các nguyên lý cơ bản của Chẩn đoán lâm sàng II (P	rinci
--	---	-------

03

03

00

3

DAI021

Xã hội học đại cương (Introduction to Sociology)
------------------------	---------------------------	---

02

02

00

4

DAI012

Cơ sở văn hoá Việt Nam (Introduction to Vietnamese Culture)
--------------------------	------------------------------------	---

02

02

00

5

VNH013

Ngữ pháp tiếng Việt

(Vietnamese Grammar)

03

02

01

6

VNH003

Các họ ngôn ngữ ở Việt Nam (Language Families in Vietnam)

02

02

00

7

1 môn thi chọn thủ tục kỹ thuật chuyên ngành

02

02

Tổng cộng:

16

13

01

Học kỳ 5:

1

DAI033

Phương pháp nghiên cứu khoa học

(Research Methodology)

02

02

00

2

DAI005

Thống kê cho khoa học xã hội

(Statistics for Social Sciences)

02

02

00

3

DAI016

Lịch sử văn minh thế giới

(History of World Civilization)

03

03

00

4

DAI017

Tiến trình lịch sử Việt Nam

(Process of Vietnamese History)

03

03

00

5

VNH006

Đôi cánh văn học Việt Nam

(Introduction to Vietnamese Literature

03

03

00



2 môn tự chọn thuộc kiến thức đại học

04

04

00

Tên cá nhân

17

17

00

Học kỳ 6

1

DAI003

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam | Directions and Policies of Vietnam | Vietn

03

03

00

2

DAI004

Tư tưởng Hồ Chí Minh

(Ho Chi Minh Ideology)

02

02

00

3

VNH040

Kinh tế Việt Nam	(Vietnamese Economy)
------------------	---------------------	---

02

02

00

4

DAI006

Môi trường và phát triển

(Environment and Development)
---	-----------------------------	---

02

02

00

5

VNH009

Địa lý Việt Nam: tự nhiên, nhân văn và kinh tế (Natural, Human and Economic Geography of Vietnam)

03

03

00

6

VNH046

Văn học dân gian Việt Nam (Vietnamese Folk Literatu	r	e
-----------------------------	--------------------------	---	---

02

02

00

7

VNH019

Thực tập thực tế

(Internship/Field trip)

04

00

04

Tên công

18

00

04

Học kỳ 7

1

VNH005

Các tôn giáo ở Việt Nam

(Religions in Vietnam)

02

02

00

2

VNH015

Nhập môn khu vực học và Việt Nam (Introduction to Area and Vietnamese Studies)

02

02

00

3

VNH039

Văn hoá các dân tộc ở Việt Nam | Ethnic groups' cultures in Vietnam

02

02

00

4

VNH041

Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại | Modern Political System of Vietnam

02

02

00

5

3 môn tự chọn khi thi thực chuyên ngành

06

06

00

Tổng cộng

14

14

00

Học kỳ thứ 8

1

VNH036

Văn hoá du lịch Việt Nam

(

Vietnam

's

Tou

02

01

01

3

4 môn thi chuyên thu nhập kinh tế chuyên ngành

08

08

00

4

Chương trình tin học (SV nhập chương trình)

03

01

02

Tổng cộng

13

10

03

Tổng cộng toàn khoá học sinh viên phải tích lũy thi đủ 140 tín chỉ.

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1 Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương

9.1.1 Các học phần bắt buộc

(1) Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin (5 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và các học phần Tiếng Việt học thuật.

Nội dung của học phần này được công nhận môn học ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(2) Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và các học phần Tiếng Việt học thuật, tích lũy các học phần Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Nội dung của học phần này được công nhận môn học ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(3) Tinh thần Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và các học phần Tiếng Việt học thuật, các học phần Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Nội dung của học phần này để cập nhật môn học ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(4) Phương pháp học đại học (2 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết căn bản về các phương pháp học đại học.

Sinh viên được cung cấp những kỹ năng cần thiết cho việc học tập trong học tập, cách quản lý thời gian, phương pháp tra tìm thông tin, kỹ năng nghe giảng và ghi chép trong lớp, kỹ năng đọc, thảo luận và thuyết trình trong lớp, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng chuẩn bị cho kỳ thi, giải quyết căng thẳng trong học tập giúp cho sinh viên thích nghi tốt hơn với môi trường học tập của đại học.

(5) Tin học đại học (3 tín chỉ)

Điểm kiến tiên quyết: không

Môn học trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về xử lý thông tin và máy tính điện tử; đồng thời cũng giúp sinh viên nắm vững các thao tác truy cập Internet, các kỹ năng sử dụng học để hành động thao tác trên máy tính điện tử, khai thác một số phần mềm ứng dụng, soạn thảo và lưu trữ các văn bản phần mềm công tác văn phòng, sử dụng học quản trị số để hiểu tính toán khoa học và giải quyết các vấn đề chuyên môn (chẳng hạn như A học công nghệ tin học văn phòng).

(6) Thực hành cho khoa học xã hội (2 tín chỉ)

Điểm kiến tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm và kiến thức cơ bản về thế giới, cách thức là về địa lý thế giới, về địa tin cậy của một cuộc địa lý thế giới, về cách so sánh địa lý thế giới về các kết quả thế giới, về sự tiến bộ quan giữa những yếu tố cùng nhau những tiến bộ cùng một số kiến thức, về cách kiểm tra những giả thuyết thế giới trong nghiên cứu khoa học...

(7) Môi trường và phát triển (2 tín chỉ)

Điểm kiến tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm và nội dung cơ bản về môi trường toàn cầu và Việt Nam; mối quan hệ giữa môi trường và phát triển hiện nay – phát triển bền vững và phát triển không bền vững (tức là các khu vực sinh thái cơ bản: nông thôn và đô thị ở Việt Nam); vai trò của nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Môn học cũng trang bị cho sinh viên một số phương pháp luận trong đánh giá phát triển; tổ chức các phương pháp tiếp duy hệ thống trong những thực các vấn đề về môi trường và phát triển.

(8) Văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Điểm kiến tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp những khái niệm chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về những thành tựu văn hóa Việt Nam và những đóng góp của chúng.

Môn học cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những

văn để của văn hoá Việt Nam.

(9) Lịch sử văn minh thế giới (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích luỹ các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự phát triển văn minh nhân loại (qua những nền văn minh tiêu biểu ở Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy-La...), và bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh thông tin; những nguyên tắc và mối liên hệ quan hệ giữa những nền văn minh thế giới và giao lưu và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

(10) Tiến trình lịch sử Việt Nam (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích luỹ các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp những kiến thức tổng quát về quá trình phát triển liên tục với những bước đi mạnh mẽ, những quy luật chung nhất của lịch sử Việt Nam, trong đó, những bước đi mạnh mẽ và xuyên suốt tiến trình lịch sử Việt Nam là công cuộc giành độc lập cho quốc gia dân tộc và xuyên suốt tiến trình lịch sử Việt Nam là công cuộc giành độc lập cho quốc gia dân tộc và xuyên suốt tiến trình lịch sử Việt Nam là công cuộc xây dựng và phát triển của đất nước.

Ngoài việc nắm vững những chặng đường lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, sinh viên còn được trang bị kiến thức về lịch sử Việt Nam với tư cách là lịch sử của các cộng đồng quây quần gia, dân tộc đã và đang sống trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay, cùng góp phần sáng tạo và bảo tồn nền văn hoá Việt Nam.

(11) Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về xã hội học bao gồm quá trình hình thành và phát triển cũng như tiến trình nghiên cứu xã hội học, những khái niệm cơ bản và một số trường phái xã hội học, những thiết chế và tổ chức xã hội cơ bản.

Môn học cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp định tính, định lượng trong nghiên cứu xã hội học.

(12) Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, và bổn chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc lôgic của một công trình khoa học.

Môn học cũng giúp sinh viên nắm vững những các thao tác nghiên cứu khoa học. biết xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học. Qua đó, sinh viên có thể nắm được những phương pháp trình bày một báo cáo khoa học, viết được một số công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập đại học.

(13) Dẫn luận Ngôn ngữ học (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở, cơ bản về ngôn ngữ học, từ đó tạo điều kiện cho sinh viên có thể hiểu sâu hơn về ngôn ngữ mà họ đang học.

Về những kiến thức sinh viên được cung cấp kiến thức tổng luận về ngôn ngữ học (những bản chất, chức năng, nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ, hệ thống tín hiệu ngôn ngữ, v.v.) và kiến thức về các phân ngành của ngôn ngữ học (ngữ âm học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ pháp học, v.v.)

Về khả năng, học phần giúp sinh viên nâng cao các thao tác thực hành ngôn ngữ như phát âm chuẩn các âm tiết, phân biệt âm vị và các biến thể; phân biệt từ đồng nghĩa và đồng âm, xác định nghĩa của từ; phân loại câu, viết câu đúng ngữ pháp...

9.2 Các học phần tiếp theo

(14) Tôn giáo học đại cương (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật. Các sinh viên cũng phải tích lũy các học phần Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tôn giáo như nguồn gốc, các học thuyết và sinh hoạt tôn giáo; các tôn giáo lớn trên thế giới như Phật giáo, Cơ đốc giáo, Khổng giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo,...

(15) Logic học đại cương (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học nâng cao khả năng tư duy logic của sinh viên, giúp sinh viên nắm các quy luật/quy tắc logic trong suy nghĩ, tranh luận, trình bày; phân biệt phân biệt đúng – sai trong suy luận; tránh nguỵ biện; biết chứng minh, bác bỏ một quan điểm, luận điểm.

(16) Tâm lý học đại cương (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến tâm lý con người như bản chất, nguồn gốc, những quy luật của bản thân quá trình hình thành, vận hành và phát triển của các hiện tượng tâm lý.

(17) Nhân học đại cương (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự tiến hoá của con người và sự phát sinh học và văn hoá; các tiến trình và quá trình tiến trình; các kiến thức về văn hoá, tôn giáo, kinh tế, gia đình, phân tầng xã hội,...

(18) Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật.

Phân nhà nước gồm khái niệm, bản chất của nhà nước, các hình thức nhà nước trên thế giới.

Phân pháp luật gồm khái niệm, bản chất của pháp luật, quan hệ pháp luật, trách nhiệm pháp lý, các chế độ nhà nước và các cơ quan nhà nước trong hệ thống Pháp luật Việt Nam.

(19) Kinh tế học đại cương (2 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật. Các sinh viên cũng phải tích lũy các học phần Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Môn học trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản và các nguyên lý chung của kinh tế vĩ mô và vi mô như các nguyên lý vận hành của nền kinh tế - cơ sở để vĩ mô thông qua phân tích mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản, phân tích chính sách kinh tế vĩ mô trong dài hạn, phân tích và giới thiệu thích đáng biến giá thị trường của các loại hàng hoá, hiểu và biết cách phân tích các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ; nắm các khái niệm như cầu, cung, giá thị trường, cân bằng... các nguyên tắc lựa chọn hợp lý của người tiêu dùng và người sản xuất.

(20) Chính trị học đại cương (2 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và học các học phần Tiếng Việt học thuật. Các sinh viên cũng phải tích lũy các học phần Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Môn học trình bày những kiến thức cơ bản về chính trị học như khái niệm, lịch sử khoa học chính trị trên thế giới; tình hình chính trị thế giới; quy định lịch chính trị, lợi ích chính trị, quy tắc sách chính trị, xử lý các tình huống chính trị; mô tả mô hình chính trị của Tây Âu, Mỹ và khu vực ASEAN.

9.2 Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.2.1 Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở

(21) Tiếng Việt trung cấp: Đọc (5 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về tiếng Việt ở trình độ trung cấp 1 (Intermediate-Low), có khả năng đọc hiểu và các chức năng thông thường.

Môn học này nhằm cung cấp và rèn luyện những kỹ thuật liên quan đến quá trình đọc hiểu, qua đó giúp sinh viên đọc hiểu những văn bản tiếng Việt để nắm bắt được các chức năng trong cuộc sống.

(22) Tiếng Việt trung cấp: Nghe (5 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải có những kiến thức cơ bản về tiếng Việt ở trình độ trung cấp 1 (Intermediate-Low), có khả năng nghe hiểu và các chức năng thông thường ở mức độ nói chung hoặc trung bình (chẳng hạn A Tiếng Việt do Trường ĐHKHXH&NV cấp).

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nghe hiểu ở trình độ trung cấp 2 (Mid-Intermediate). Đọc biết tập trung vào mô tả kỹ năng nghe như nghe ý chính, nghe chi tiết, nghe và sắp xếp thông tin, nghe và ghi chú thông tin, nghe sự liúu, nghe kết hợp với nói và viết, v.v.

(23) Tiếng Việt trung cấp: Nói (5 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải có năng lực kiến thức cơ bản về tiếng Việt ở trình độ trung cấp 1 (Intermediate-Low), có khả năng giao tiếp về các chủ đề thông thường ở mức độ nói chung hoặc trung bình.

Môn học này nhằm rèn luyện các kỹ năng giao tiếp thông thường để người học có thể tham gia các bài phát âm phổ biến của sinh viên nước ngoài. Trong học phần này, sinh viên được học các kỹ thuật giao tiếp về các chủ đề thông thường trong cuộc sống hàng ngày, cũng như các chủ đề làm quen với kỹ thuật thuyết trình trước đám đông.

(24) Tiếng Việt trung cấp: Viết (5 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải có năng lực kiến thức cơ bản về tiếng Việt ở trình độ trung cấp 1 (Intermediate-Low).

Môn học này nhằm rèn luyện cho sinh viên viết đúng chính tả và giúp sinh viên viết được các đoạn văn, các tin nhắn và các đoạn văn/bài viết ngắn về các chủ đề thông thường.

(25) Tiếng Việt nâng cao: Đọc (5 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy được học phần Tiếng Việt trung cấp – Đọc.

Học phần này nhằm cung cấp và rèn luyện những kỹ thuật liên quan đến quá trình đọc hiểu ở trình độ Trung cấp, giúp hiểu cách tiếp cận với văn bản ở các thể loại khác nhau một cách độc lập và khó.

(26) Tiếng Việt nâng cao: Nghe (5 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy đủ các học phần Tiếng Việt trung cấp– Nghe.

Nội dung học phần bao gồm nghe hiểu và nói nâng cao (Advanced Vietnamese) như nghe ý chính, nghe hiểu các sắc thái ngôn ngữ khác nhau, và các thao tác phân tích, tổng hợp nhằm nghe hiểu nội dung văn bản bao gồm các cuộc thoại có chủ đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, các cuộc thoại có tính chuyên môn.

(27) Tiếng Việt nâng cao: Nói (5 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy đủ các học phần Tiếng Việt trung cấp– Nói.

Môn học này nhằm luyện cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp nâng cao trong các cuộc thoại có chủ đề liên quan đến đời sống cá nhân, đời sống xã hội. Sinh viên học cách trình bày ý kiến và mấu chốt vấn đề nào đó. Ngoài ra, kỹ thuật thuyết trình và mấu chốt tài có tính chuyên môn cũng được đề cập trong học phần này.

(28) Tiếng Việt nâng cao: Viết (5 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy đủ các học phần Tiếng Việt trung cấp– Viết.

Học phần này nhằm rèn luyện cho sinh viên viết được các bài viết về các thể loại văn bản khác nhau như thơ, tin, thông tin thu thập; bài viết có sơ đồ ngữ pháp cấu trúc câu thông tin để phân biệt được các sắc thái khác nhau giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

(29) Tiếng Việt học thuật: Đọc (5 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy đủ các học phần Tiếng Việt nâng cao – Đọc.

Học phần này giúp sinh viên nâng cao khả năng đọc hiểu văn bản tiếng Việt ở các thể loại, phong cách khác nhau: các bài đọc về môi trường, kỹ thuật, tự nhiên (phong cách báo chí), văn khoa học xã hội (phong cách khoa học). Ngoài ra, ở mỗi bài đọc còn có những bài đọc thêm tăng cường đọc sinh viên thực hành. Sau mỗi bài, sinh viên phải tự tìm những văn bản có đủ tài liệu để đọc tăng cường và trao đổi theo nhóm.

(30) Tiếng Việt học thuật: Nghe (5 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy đủ các học phần Tiếng Việt nâng cao – Nghe.

Nội dung của học phần này là cung cấp những kỹ thuật nghe hiểu nâng cao thông qua những văn bản để nói về những việc đọc, phong cách, cũng như những cách tiếp cận khác nhau của người Việt, nhằm chuẩn bị cho sinh viên khả năng nắm bắt khi tham dự các chuyên đề có tính chuyên ngành.

(31) Tiếng Việt học thuật: Nói (5 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy đủ các học phần Tiếng Việt nâng cao – Nói.

Học phần này giúp sinh viên luyện các khả năng giao tiếp nâng cao trong các cuộc thoại có chủ đề liên quan đến đời sống cá nhân, đời sống xã hội và môi trường phức tạp hơn, đặc biệt là thực tiễn những cách nói có tính văn hóa của người Việt. Sinh viên học cách trình bày ý kiến học thuyết trình và mở rộng chuyên môn nào đó.

(32) Tiếng Việt học thuật: Viết (5 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy đủ các học phần Tiếng Việt nâng cao – Việt.

Học phần này giúp sinh viên nâng cao kỹ năng viết, rèn luyện cách viết theo các phong cách khoa học, chính luận, hành chính. Sinh viên thực hành sử dụng các phương pháp liên kết văn bản, xây dựng đề cương chi tiết và viết mở đầu văn bản hoàn chỉnh về mặt đề tài cho trình bày.

9.2.2. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành

9.2.2.1. Các học phần bắt buộc

(33) Các học ngôn ngữ ở Việt Nam (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao và học Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Dạy luận Ngôn ngữ học.

Môn học cung cấp cho người học một cái nhìn toàn diện về các ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam, chia ra những mặt quan hệ về nguồn gốc, quan hệ tiếp xúc, xu hướng phát triển chung của các ngôn ngữ dân tộc; phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và loại hình; mặt sử dụng để tìm kiếm bản (văn ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) của các ngôn ngữ dân tộc; chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam.

(34) Các tôn giáo ở Việt Nam (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật và học phần Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tôn giáo học đại cương.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo; các tôn giáo bản địa; các nghi lễ, lễ hội mang màu sắc tín ngưỡng, tôn giáo tại Việt Nam.

(35) Đề thi công văn văn học Việt Nam (3 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuốt.

Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình lịch sử văn học Việt Nam, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về nền văn học Việt Nam. Môn học gồm những nội dung chủ yếu: nguồn gốc – đặc điểm của lịch sử văn học Việt Nam, sự phát triển của ngôn ngữ văn học Việt Nam về tiếng nói và chữ viết; văn học dân gian và các truyền thuyết về các cá nhân và tập thể anh hùng, văn học thời đồ ng và giai đoạn, văn học viết từ buổi đầu hình thành đến thế kỷ XV; văn học Việt Nam thời thuộc địa khi giành được độc lập, văn học từ sau khi giành được độc lập đến năm 1975, từ 1975 đến nay..

Học phần cũng luyện cho sinh viên khả năng đọc hiểu và phân tích tác phẩm, ngôn ngữ nghệ thuật tiếng Việt qua các tác phẩm tiêu biểu.

(36) Đề tài lý Việt Nam: tự nhiên, nhân văn, kinh tế (2 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học các học phần Tiếng Việt học thuốt.

Môn học giới thiệu về tranh chung về đề tài lý Việt Nam, bao gồm các tự nhiên và kinh tế - xã hội. Trên cơ sở nắm vững các đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam, sự phân bố các nguồn tài nguyên, đặc điểm dân cư và nguồn lao động của Việt Nam cũng như đặc điểm và sự phân bố của nền sản xuất xã hội, sinh viên có thể nhận thức sâu hơn về các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Qua đó, sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức đã thu nhận được vào việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

(37) Ngữ pháp tiếng Việt (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, Dàn luận Ngôn ngữ học, .học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Học phần này giới thiệu một cách hệ thống và đơn giản ngữ pháp tiếng Việt xét trên bình diện từ loại, ngữ điệu, tình thái. Xuất phát từ ngữ điệu – đơn vị trực tiếp tham gia cấu tạo câu – sinh viên sẽ tìm hiểu các loại ngữ điệu khác nhau trên cơ sở phân biệt thuộc tính ngữ pháp của yếu tố trung tâm, từ phân biệt với một từ loại. Và sau đó, sinh viên sẽ tìm hiểu hoạt động của các ngữ điệu trong câu, từ là khi nó đem đến một chức năng ngữ pháp trong câu. Sinh viên nắm được ý nghĩa của tình thái câu, nhận xét về tình thái làm thành động của câu, nhận xét về tình thái động của lý thuyết phân loại câu và nhận xét về tình thái khác của câu.

(38) Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học (3 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp những kiến thức nhập môn về lý thuyết khu vực học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: lịch sử hình thành và phát triển của khu vực học và từ cách một khoa học liên ngành; những khái niệm cơ bản; vai trò của khu vực học trong xu thế phát triển của khoa học hiện nay; định hướng của khu vực học trong xu thế phát triển của khoa học hiện nay; giới thiệu những phạm vi nghiên cứu.

Môn học cũng trang bị những phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu khu vực để ứng dụng vào thực tiễn phục vụ các công trình phát triển cũng như thực hiện các đề tài và công trình nghiên cứu liên ngành.

(39) Văn hoá du lịch Việt Nam (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và Cơ sở văn hoá Việt Nam; học học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp kiến nghĩa về du lịch, lịch sử và quá trình phát triển của du lịch, và các loại hình du lịch, khái niệm du lịch văn hoá và văn hoá du lịch; các yếu tố thu hút khách du lịch; các lý thuyết chính trong nghiên cứu văn hoá du lịch như Lý thuyết về việc xây dựng và sự đóng góp của nó trong du lịch: (site = sight) hay là Lý thuyết về sự trình bày văn hoá (cultural representation), Lý thuyết về sự chân thật (authenticity), Lý thuyết về quan hệ chủ-khách; khái niệm du lịch bền vững, các chức năng phân tích và định hướng trong phát triển du lịch, vấn đề quản lý môi trường và ví dụ theo định hướng phát triển du lịch bền vững, hướng dẫn môn văn hoá Việt Nam bền vững và phát triển.

(40) Văn hoá các dân tộc ở Việt Nam (2 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích luỹ các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, và Công văn hoá Việt Nam; học các học phần Tiếng Việt học thuật.

Môn học cung cấp những kiến thức về các dân tộc ít người ở Việt Nam và các bình diện: văn hoá vật chất và phi vật chất theo nhóm/vùng văn hoá.

(41) Kinh tế Việt Nam (2 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích luỹ các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao. Các sinh viên cũng phải tích luỹ các học phần Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển lịch sử của kinh tế Việt Nam; đặc điểm các nguồn lực cho phát triển kinh tế Việt Nam; đặc điểm và xu hướng phát triển của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; sự phát triển và chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế Việt Nam theo hướng công nghiệp hoá- hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; triển vọng và định hướng chiến lược phát triển kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

(42) Hồ thng chính tr Việt Nam hi n đ i (2 tín ch)

Đi u ki n tiên quy t: Sinh viên đã tích lu các h c ph n: Ti ng Vi t trung c p, nâng cao, Ti ng Vi t h c thu t. Các sinh viên cũng ph i tích lũy h c ph n Ti n trình lõ ch s Vi t Nam, các h c ph n Nh ng nguyên lý c b n c a ch nghĩa Mác – Lênin.

Môn h c cung c p các ki n th c chung v lõ ch s hình thành và phát tri n c a h th ng chính tr Việt Nam t khi thành lõ p Nhà n c cách m ng sau tháng Tám 1945 đ n nay: c c u h th ng, đ c đi m lõ i hình, quá trình phát tri n. Đ c bi t h c ph n t p trung gi i thi u tính quy lu t c a s ra đ i và phát tri n c a h th ng chính tr cách m ng và vai trò lãnh đ o t t y u trong h th ng chính tr c a Đ ng C ng s n Vi t Nam hi n nay, đ ng th i ch ra nh ng đòi h i khách quan c a công cu c c i cách hành chính tr c yêu c u m i c a s nghi p công nghi p hoá và hi n đ i hoá.

(43) Văn h c dân gian Việt Nam (2 tín ch)

Đi u ki n tiên quy t: Sinh viên đã tích lu các h c ph n: Ti ng Vi t trung c p, nâng cao. Sinh viên cũng ph i tích lũy h c ph n Đ i c ng văn h c Việt Nam.

Cung c p nh ng ki n th c v đi n m o c a văn h c dân gian Việt Nam nói chung: nh ng đ c đi m c b n c a văn h c dân gian; quá trình phát tri n c a văn h c dân gian Việt Nam; các hình th c, đ c tr ng c a t ng th lõ i c a văn h c dân gian Việt Nam; m t s th lõ i đ c bi t c a văn h c dân gian các dân t c ít ng i; kh năng ng d ng m t s thành ng , t c ng ti ng Việt vào cu c s ng th c t , nói năng, giao ti p hàng ngày.

9.2.2.2 Các h c ph n t ch n

Nhóm các học phần về văn hoá, xã hội, kinh tế

(44) ASEAN và quan hệ Việt Nam – ASEAN (2 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Tiếng trình lịch sử Việt Nam.

Học phần này giúp sinh viên hiểu biết về:

- Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations, gọi tắt là ASEAN), một trong những tổ chức quốc tế khu vực thành công nhất trong các nước đang phát triển, năng động và đóng góp tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế.

- Quan hệ Việt Nam – ASEAN.

(45) Các đặc trưng sinh thái môi trường Việt Nam (2 tín chỉ)

Điểm ưu tiên quy định: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao Sinh viên là Việt kiều và người nước ngoài phải tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuật.

Môn học giới thiệu những kiến thức cơ bản về môi trường, sinh thái, mối quan hệ giữa tài nguyên và môi trường sinh thái, cân bằng sinh thái, phát triển bền vững.

Môn học cũng cung cấp khái quát các tài nguyên trên thế giới và Việt Nam, nguyên nhân của việc suy thoái tài nguyên, môi trường,...

(46) Địa lý và cư dân các nước Đông Nam Á (2 tín chỉ)

Điểm kiến tiên quy: Sinh viên đã học các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Địa lý Việt Nam: tự nhiên, nhân văn, kinh tế.

Học phần này giới thiệu khái quát về địa lý Đông Nam Á, tài nguyên tự nhiên, kinh tế, nhân văn; phân tích mối quan hệ giữa tự nhiên và nhân văn, những yếu tố thuận lợi và khó khăn trong những phát triển kinh tế - xã hội các nước Đông Nam Á.

(47) Văn hoá bảo tồn môi trường sống của người Việt (2 tín chỉ)

Điểm kiến tiên quy: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Công nghệ văn hoá Việt Nam.

Học phần giới thiệu về lý thuyết Văn hoá bảo tồn môi trường sống (Life-sustaining Culture) và Văn hoá bảo tồn môi trường sống của người Việt.

Văn hoá bảo tồn môi trường sống của người Việt thể hiện trong văn hoá riêng của ba miền: Bắc, Trung, Nam cũng như quá trình giao lưu tiếp biến văn hoá (acculturation) với nhà, trang phục, ẩm thực giữa người Việt và các dân tộc mà người Việt tiếp xúc.

Văn hoá bảo tồn môi trường sống giúp nhận diện được những văn hoá của tộc người, của vùng văn hoá, của quốc gia, khu vực..., giúp hiểu được giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể và vận dụng vào di sản văn hoá dân tộc.

(48) Văn hoá vùng quê Việt Nam (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam.

Môn học gồm những nội dung chính: Khái niệm về văn hoá và văn hoá học; Các đặc điểm của văn hoá học của người Việt Nam (như học Nho giáo, học văn hoá phương Tây, văn hoá làng xã có tính bền vững, văn hoá mang đậm triết lý âm dương...); Văn hoá học trong phạm vi gia đình (trong quan hệ vợ chồng, trong quan hệ bố mẹ - con cái, trong quan hệ anh chị em...); Văn hoá học về môi trường thiên nhiên; Văn hoá học trong giao tiếp.

(49) Văn hoá Đông Nam Á (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

- Văn hoá Đông Nam Á thời tiền sử và sơ sử, gồm Đông Nam Á trên con đường phát triển của lịch sử loài người, Văn hoá Chopper và con đường phát triển đá cũ ở ĐNÁ, Văn hoá Hòa Bình ở Đông Nam Á và sự xuất hiện của nông nghiệp, Hủ đồ đá mới ở Đông Nam Á và sự di cư các cư dân thiên di của R. Heine Geldern. + Về nền tảng trung tâm luyện kim và thời Sơ sử ở Đông Nam Á.

- Văn hoá Đông Nam Á 10 thế kỷ đầu công nguyên: như học văn hoá Ấn Độ và Trung Hoa; Sự hình thành các quốc gia ở Đông Nam Á; Sự du nhập của Hindu giáo, Phật giáo và Nho giáo vào Đông Nam Á; Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc.

- Văn hoá Đông Nam Á từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 19: Sự hình thành các quốc gia ở Đông Nam Á (Đài Việt, Champa, Angkor, Lan Xang, Ayuthaya, Các quốc gia Hồi giáo); Sự phát triển của Hindu giáo, Phật giáo và Nho giáo và sự du nhập của đạo Islam và đạo Kitô ở Đông Nam Á qua những công trình kiến trúc và điêu khắc; Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc; Giao lưu văn hoá của các nước Đông Nam Á.

(50) Các dân tộc ở Việt Nam (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Nhân học đại cương.

Môn học giới thiệu kiến thức cơ bản về các dân tộc ở Việt Nam theo các vấn đề: đặc điểm công nghệ của các dân tộc Việt Nam; văn hoá công nghệ của các dân tộc Việt Nam; các dân tộc nông nghiệp Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

(51) Khảo cổ học Việt Nam (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã tích lũy các học phần: Tiếng Việt trung cấp, nâng cao, học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Nhân học đại cương, Tiếng trình lịch sử Việt Nam.

Môn học giới thiệu một cách hệ thống toàn bộ lịch sử phát hiện và nghiên cứu các nền văn hoá khảo cổ ở Việt Nam: các nền văn hoá thềm biển đá, các nền văn hoá thềm biển đồng, các nền văn hoá thềm biển sắt, văn hoá Đông Sơn, văn hoá Đông Việt, văn hoá Sa Huỳnh, văn hoá Óc Eo...

Nhóm các học phần về khoa học Ngữ văn (Philology Module)

(52) Các phép ngắt liên kết và số n th o văn b n (2 tín ch)

Đi u ki n tiên quy t: Sinhvie6n đã tích lu các h c ph n: Tiếng Việt trung c p, nâng cao, h c thu t. Sinh viên cũng ph i tích lũy h c ph n v Ng pháp tiếng Việt.

H c ph n cung c p nh ng ki n th c căn b n v văn b n tiếng Việt (các phép ngắt liên kết trong câu ghép; c u t o đo n văn và các lo i đo n văn; phép ngắt th c t ch c m t văn b n; các phép ngắt th c l p lu n, cách th c tóm t t và xây d ng đ c ng m t văn b n) và kh năng ng d ng vào ho t đ ng th c ti n. Giúp sinh viên có kh năng tóm t t và xây d ng đ c ng cũng nh kh năng so n th o m t văn b n hành chính thông th ng.

(53) Lý thuy t d ch (2 tín ch)

Đi u ki n tiên quy t: Sinh viên đã tích lu các h c ph n: Tiếng Việt trung c p, nâng cao, h c thu t. Sinh viên cũng ph i tích lũy h c ph n v D n lu n Ngôn ng h c.

H c ph n cung c p các lý thuy t d ch và nh ng v n đ liên quan: Gi i thi u m t cách khái quát v khái ni m d ch, các lý thuy t d ch thu t hi n hành, các y u t c u thành và tác đ ng đ n quá trình chuy n d ch. Ngoài ra, trong h c ph n này, sinh viên s th c hành chuy n d ch đ tìm hi u k h n các v n đ liên quan đ n d ch thu t (ki n th c ngôn ng và ki n th c phi ngôn ng).

(54) Ng âm tiếng Việt th c hành (2 tín ch)

Đi u ki n tiên quy t: Sinh viên đã h c qua các h c ph n: Tiếng Việt trung c p, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt h c thu t. Sinh viên cũng ph i tích lũy h c ph n D n lu n Ngôn ng h c.

H c ph n giúp sinh viên th c hành nh ng ki n th c c b n c a ng âm tiếng Việt (h th ng ng

âm tiếng Việt, cấu trúc âm tiết, các tiểu họ thặng âm v); luyện cho sinh viên phát âm chuẩn xác tiếng Việt và cách phân tích đơn vị ngữ âm tiếng Việt.

(55) Phonetics tiếng Việt (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Ngôn ngữ học.

Học phần giới thiệu về khái niệm tiếng chuẩn, chuẩn hoá, phonetics và tình hình nghiên cứu phonetics tiếng Việt, trình bày những khác biệt có tính qui luật và những khác biệt phi qui luật giữa các phonetics tiếng Việt, từ đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tiếng Việt và những vấn đề liên quan.

(56) Phonetics pháp ngữ dõ y ngữ (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Ngôn ngữ học.

Học phần này cung cấp những kiến thức cần thiết cho sinh viên những vấn đề liên quan đến phonetics pháp ngữ dõ y ngữ, cách giảng dạy các kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết, cách biên soạn giáo án và quản lý lớp học ngữ. Môn học này còn giúp sinh viên có thể áp dụng để giảng dạy tiếng Việt như một ngữ.

(57) Tiếng Việt báo chí (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Ngôn ngữ học.

Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu được tầm ảnh hưởng của báo chí tiếng Việt, nâng cao khả năng hiểu báo chí tiếng Việt. Sinh viên sẽ học trực tiếp trên các báo mới nhất thông qua bài thu hoạch thực hành được báo tải để dễ dàng.

(58) Tiếng Việt thông dụng (2 tín chỉ)

Điểm kiến thức tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Dạy luận Ngôn ngữ học.

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về giao tiếp trong môi trường thông dụng mới, trong công ty, báo chí tiếng Việt, trang bị kiến thức cơ bản về môi trường thông dụng mới Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng sử dụng và xử lý một số văn bản thông dụng mới tại Việt Nam và cung cấp tài liệu chuyên ngành tiếng Việt thông dụng mới.

Môn học giúp cho sinh viên học về cách giao tiếp và tiếp xúc với các cá nhân, các vị trí trong công ty, cách thức giao tiếp giao dịch qua điện thoại, kế hoạch, lịch công tác trong ngày; các vị trí và mô hình công việc trong công ty.

(59) Tổng hợp học tiếng Việt thực hành (2 tín chỉ)

Điểm kiến thức tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Dạy luận Ngôn ngữ học.

Học phần giúp sinh viên nắm kiến thức cơ bản trong thực hành tài liệu tiếng Việt, các biện pháp ngữ nghĩa trong từ, các loại từ và cách dùng từ tiếng Việt; luyện cho sinh viên khả năng sử dụng từ các loại từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt.

(60) Lịch sử tiếng Việt (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Dạy luận Ngôn ngữ học.

Học phần giới thiệu nguồn gốc tiếng Việt và các quan hệ văn nguồn gốc, quan hệ tiếp xúc giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ khác trong quá trình phát triển lịch sử. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu khái quát các giai đoạn diễn biến chính của tiếng Việt từ trước tới nay.

(61) Phong cách học tiếng Việt (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Dạy luận Ngôn ngữ học.

Đây là học phần cung cấp các lý thuyết để củng cố và phong cách học cũng như cấu trúc tu từ của một ngôn ngữ cụ thể, giúp sinh viên hiểu sâu hơn các đặc điểm bản chất của ngôn ngữ mình theo học.

(62) Từ Hán – Việt (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Dạy luận Ngôn ngữ học.

Học phần này nhằm giúp sinh viên nắm vững các kiến thức căn bản về lịch sử từ vựng Hán trong tiếng Việt nói chung và từ Hán Việt nói riêng, cách cấu tạo từ Hán Việt. Ngoài ra học phần còn chú trọng nguyên nhân và mặt số lượng từ Hán Việt của ngôn ngữ Việt.

(63) Ngôn ngữ học để chiểu (2 tín chỉ)

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng

cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Dạy luận Ngôn ngữ học.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học để chi tiết: các nguyên tắc và phương pháp dạy chi tiết ngôn ngữ; thực hành dạy chi tiết.

Học phần cũng luyện cho sinh viên thực hành dạy chi tiết tiếng Việt với một số ngôn ngữ khác (cùng và khác loại hình).

(64) Truy vấn ngôn ngữ Việt Nam hiện đại (2 tín chỉ)

Điểm kiến thức tiên quyết: Sinh viên đã học qua các học phần: Tiếng Việt trung cấp, Tiếng Việt nâng cao, Tiếng Việt học thuật. Sinh viên cũng phải tích lũy học phần Đọc hiểu văn học Việt Nam.

Học phần này nhằm giúp sinh viên nắm được một số kiến thức căn bản về lịch sử văn học Việt Nam có tính tổng quát; giới thiệu các tác giả tiêu biểu của văn học đương đại, nâng cao trình độ hiểu biết về ngôn ngữ Việt.

(65) Thực tập, thực tế (4 tín chỉ)

- Đối với sinh viên Việt Nam: Sinh viên được thực tập, thực tế tại các cơ sở du lịch, ngoại giao, giáo dục,... để có hiểu biết về những đóng góp của văn học Việt Nam học đã học vào công việc.

- Đối với sinh viên là Việt kiều và người nước ngoài: Sinh viên được thực tập, thực tế tại các cơ sở tại Việt Nam hoặc nước ngoài có mối quan hệ với Việt Nam để có hiểu biết về thực hành tiếng Việt và những đóng góp của Việt Nam học đã học vào thực tế công việc.

(66) Khóa luận tốt nghiệp (10 tín chỉ)

Khoá luận tốt nghiệp là một học phần đặc biệt, tổng hợp kiến thức về 10 tín chỉ.

Những sinh viên đi du học và có nhu cầu làm khoá luận tốt nghiệp đăng ký vào cuộc họp học kỳ 8 và đăng ký Khoa phân công người hướng dẫn và hướng dẫn tài. Khoá luận sẽ được chấm bởi Hội đồng do Khoa thành lập, trong đó có tối thiểu 2 phần bên ngoài, nhận xét và cho điểm. Sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp được miễn học 10 tín chỉ thực nghiệm chuyên sâu của ngành.

10. Danh sách giảng viên thực hiện chương trình

Khoa Việt Nam học hiện có 31 cán bộ công chức, trong đó đội ngũ cán bộ giảng dạy có 4 Phó Giáo sư – Tiến sĩ, 11 Tiến sĩ, 14 Thạc sĩ, cán bộ giảng dạy là Giảng viên chính là 14 người. Ngoài ra, hàng năm trường xuyên có khoảng 10 giảng viên thực các đơn vị khác trong Trường tham gia giảng dạy chương trình.

* Danh sách giảng viên công chức:

TT

Họ và tên

Năm sinh

Văn bằng cao nhất,

ngành đào tạo

Năm dự thi

Kinh nghiệm

Môn học số

1

Phan Thái Bình

1980

Thạc sĩ Văn hoá học

2009

Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Pusan (Hàn Quốc) từ 2008-2009. Giảng dạy tiếng Anh.

Văn hoá học Việt Nam

2

Lê Khúc Cường

1960

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

2000

Đón lượn Ngôn ngữ học, Tiếng Việt qua báo chí

3

Đinh Thị Dung

1961

Tiến sĩ Văn hoá học

2001

Cơ sở văn hoá Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới

4

Đào Mạt Đích

1968

Thức sĩ Ngôn ngữ học so sánh

2001

Giáo dục tiếng Việt

Tiếng Việt Nghe

5

Bùi Thị Phương Chi

1963

Thạc sĩ Ngôn ngữ Nga – Slav

1999

Tiếng Việt – Nghe

6

Trần Thị Minh Giỏi

1958

Thạc sĩ Văn học

1996

Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ritsumeikan Asia Pacific (Nhật Bản) trong các học kỳ Mùa Thu từ 2003-200

Tiếng Việt – Nói; Văn học Việt Nam

7

Nguyễn Thị Thanh Hà

1979

Thạc sĩ Nhân học

2007

Phóng pháp học đại học; Văn hoá Việt Nam

8

Bùi Thị Duyên Hải

1980

Thạc sĩ Châu Á học

2009

Văn hoá báo chí mới của Việt Nam,

Tiếng Việt - Nói

9

Nguyễn Thị Ngọc Hân

1960

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

2005

Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Kanda (Nhật Bản) từ 2006-2009. Giảng dạy bằng tiếng Anh.

Tiếng Việt - Đọc - Việt; Ngữ pháp tiếng Việt

10

Lê Thị Minh Hằng

1961

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

2006

Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Thủ khoa học Nagoya (Nhật Bản) từ 1997-2000. Giảng dạy bằng tiếng Anh.

Tiếng Việt – Việt; Ngữ pháp tiếng Việt

11

Huỳnh Công Hiến

1964

Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh

2003

Tiếng Việt – Nói – Đọc

12

Trần Thị Hoa

1956

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

2005

Tiếng Việt – Nghe,

Các phương tiện liên kết và số nhân tố tiếng Việt

13

Nguyễn Văn Huệ

1952

PGS, Tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh

2006

Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Tokyo (Nhật Bản) từ 1991-1995 và ĐH Ritsumeikan Asia Pacific

Lịch sử tiếng Việt; Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ; Ngôn ngữ học Đai chi u

14

Võ Thanh Hoàng

1963

Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh

2004

Tiếng Việt - Đ

15

Nguyễn Thu Lan

1978

Thạc sĩ Quản lý Quốc tế

2008

Khu vực học và Việt Nam học; ASEAN và quan hệ Việt Nam - ASEAN

16

Nguyễn Tuấn Nghĩa

1984

Thức sĩ Châu Á học

2013

Phong pháp học đại học, ASEAN và quan hệ VN-ASEAN

17

Trần Trọng Nghĩa

1975

Thức sĩ Ngôn ngữ học

2011

Tiếng Việt - Nghe;

Ngữ pháp tiếng Việt

18

Trần Thị Mai Nhân

1970

Tiến sĩ Văn học

2008

Văn học Việt Nam; Văn học dân gian Việt Nam

19

Nguyễn Văn Phú

1963

Tiếng Ngon ngữ học so sánh

2007

Tiếng Việt – Việt; Ngữ pháp tiếng Việt

20

Nguyễn Thanh Phong

1974

Thức sĩ Ngôn ngữ học so sánh

2001

Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Hankuk (Hàn Quốc) từ 2005-2008. Giảng dạy bằng tiếng Anh.

Tiếng Việt – Nói – Đọc

21

Nguyễn Văn Thành

1968

Thạc sĩ Lịch sử

2001

Lịch sử Việt Nam; Lịch sử Kinh tế Việt Nam

22

Huỳnh Đức Thiệu

1972

Tiến sĩ Lịch sử

2012

Tiến trình lịch sử Việt Nam; Lịch sử Kinh tế Việt Nam

23

Nguyễn Thanh Thủy

1965

Thức sĩ Ngôn ngữ học so sánh

2003

Định luật Ngôn ngữ học; Tác động tiếng Việt thực hành

24

Đinh Lê Thị

1946

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

1981

Ngâm tiếng Việt, Tiếng Việt thời kỳ mới

25

Phan Thị Yến Tuyết

1952

PGS, Tiến sĩ Dân tộc học

1992

Văn hoá Việt Nam; Văn hoá du lịch VN; Văn hoá dân tộc ở nông thôn VN

26

Trần Thị Tuyết

1984

Thạc sĩ Văn học VN

2011

Lịch sử văn học Việt Nam, Truyền thống Việt Nam

27

Lê Hoàng Ngọc Yến

1983

Thạc sĩ Châu Á học

2007

Tiếng Việt - Nghe; Phương pháp học đại học

28

Nguyễn Thị Hoàng Yến

1964

Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh

1998

Giảng dạy tiếng Việt tại ĐH Ngoại ngữ Kanda (Nhật Bản) từ 2003-2006. Giảng dạy bằng tiếng Anh.

Tiếng Việt - Nghe; Phong cách học tiếng Việt; Truy cập nguồn VN hiện đại

29

Trần Thùy Vinh

1964

Tiến sĩ Ngôn ngữ học

2006

Giảng dạy tiếng Việt tại Hàn Quốc (1 năm, giảng dạy bằng tiếng Anh)

Tiếng Việt – Nói

11. Danh sách Cố vấn học tập

- ThS. Nguyễn Thị Hoàng Yến

- ThS. Nguyễn Văn Thành

12. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

12.1 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính;

TT

Tên phòng thí nghiệm, địa điểm thực tập

Đơn vị chấp thuận

Ghi chú

12.2 Thời điểm: Ngoài Thời điểm của Trường Đại học KHXH-NV, Khoa có 01 tài sách nhỏ phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên Khoa (khoảng 4.00 đồng sách).

12.3 Giáo trình, tài liệu giảng

STT

Tên môn học

Tên giáo trình, tập bài giảng

Tên tác giả

Nhà xuất bản

Năm xuất bản

Địa chỉ website

Hình ảnh

1

Tiếng Việt trung cấp (Nghe – nói – đọc – viết)

Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài, tập 1

Nguyễn Văn Huệ (cb), Trần Thị Minh Giỏi, Nguyễn Thị Ngọc Hân, Thạch Ngọc Minh

ĐHQG TP.HCM

2008

Đã có

Tuyển sinh ngành pháp tiếng Việt cơ bản (Song ngữ Việt – Anh)

Nguyễn Văn Huệ (cb), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Hoàng Trung...

ĐHQG TP.HCM

2003

Đã có

2

Tiếng Việt nâng cao (Nghe – nói – đọc – viết)

Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài, tập 2

Nguyễn Văn Huệ (cb), Trần Thị Minh桂, Nguyễn Thị Ngọc Hân, Thành Ngọc Minh

ĐHQG TP.HCM

2008

vtv.com.vn;

vov.org.vn;

sucsongmoi.com.vn

Đã có

Tài liệu ngữ pháp tiếng Việt cơ bản (Song ngữ Việt – Anh)

Nguyễn Văn Huệ (cb), Nguyễn Văn Vân Ph, Nguyễn Hoàng Trung...

ĐHQG TP.HCM

2003

tuoitre.com.vn;

vnexpress.net

Đã có

3

Tiếng Việt học thuật (Nghe – nói – đọc – viết)

Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài, tập 3

Nguyễn Văn Huệ (cb), Trần Thị Minh Giỏi, Nguyễn Thị Ngọc Hân, Trần Thị Ý Vĩnh

Giáo dục

2003

vtv.com.vn;

vov.org.vn;

sucsongmoi.com.vn

Đã có

Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài, tập 4

Nguyễn Văn Huệ (cb), Trần Thị Minh Giám, Nguyễn Thị Ngọc Hân, Trần Thị Yến Vân

Giáo dục

2004

tuoitre.com.vn;

vnexpress.net

Tên địa phương pháp tiếng Việt cổ bản (Song ngữ Việt – Anh)

Nguyễn Văn Huệ (cb), Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Hoàng Trung...

ĐHQG TP.HCM

2003

Đã có

4

Phương pháp học đại học

Practicing College Learning Strategies

Hopper C.

Houghton Mifflin, New York.

2004

Chưa có tài Khoa

How to Study in College

Paul W.

Houghton Mifflin, New York.

2005

Chưa có

Essential Managers - Making presentations

Tim Hindle

Dorling Kindersley Limited. London.

1998

Chưa có

5

Nhóm môn khu vực học và Việt Nam học

Khu vực học và Nhóm môn Việt Nam học học.

Trần Lê Bảo

Giáo Dục, Hà Nội

2008

Đã có

Vị cách tiếp cận khu vực học

Phạm Đức Thành

Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á

số 1/2001.

Đã có

Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam.

Ngô Đức Thịnh (chủ biên):

KHXH

1993

Đã có

Area Studies and the Discipline: A useful controversy, PS: Political Sciences and Politics (June) 166-169

Bates Robert H.

Peking.

9/2000

6

Địa lý và cư dân Đông Nam Á

Địa lý Đông Nam Á

Huỳnh Văn Giáp

Đại học Quốc Gia TPHCM.

2004

Đã có

Địa lý Singapore, Đài Loan, Brunei

Huỳnh Văn Giáp

Địa hình Quốc Gia, TPHCM.

2002

Đã có

Lịch sử Đông Nam Á

Phan Ngọc Biên (Cb)

Giáo Dục

1997

Đã có

Địa lý Đông Nam Á

Phan Huy Xu (Cb)

Giáo Dục

2003

Đã có

7

Văn hoá báo chí mĩ thuật và nghệ thuật Việt

Nhà in, trang phục, ăn uống của các dân tộc ở Đông bộ sông Cửu Long

Phan Thị Yến Tuyết,

KHXH

2003

soctrongonline.net,

sggp.org.vn,

baocantho.com.vn.

Đã có

Trang phục của chúng tôi truy cập các dân tộc Việt Nam

Ngô Đức Thịnh

Văn hoá Dân tộc

1994

vanghesongculong.org

Đã có

Nhà cửa cửa các dân tộc ở trung du Bắc bộ Việt Nam

Nguyễn Khắc Tinh

KHXH

1978

vanhoanghethuat.org.vn,

saigonnet.vn

Đã có

Sài Gòn năm xưa

Vòng Học Sinh

Sài Gòn

1968

vietnamtourism-info

Đã có

Văn hoá báo chí, E. C. Markarian (Bà Rịa Vũng Tàu)

E. C. Markarian

1983

Chưa có

Village in Vietnam

G. C. Hickey

New Haven and London, Yale Univ. Press

1954

Chào có

La Cochinchine et ses habitants

J. C. Baurac

Provinces de l' Ouest, Saigon

1894

Chào có

Connaissance du Vietnam

P. Huard & D. Maurice

EFEQ

1964

Chào cờ

En Indochine

Gaston Donnet

Paris, La Haye

1961

Chào cờ

Histoire d'un voyage dans la mer de Chine

J. White

Boston

1825

Chưa có

8

Phong trào tiếng Việt

Các câu âm tiếng Việt

Nguyễn Văn Hùng, Đinh Lê Thọ

Giáo Dục

1998

Đã có

Ngôn ngữ tiếng Việt

Đoàn Thiệu Thuận

Đại học Quốc gia Hà Nội.

1999

Đã có

Nhập môn ngôn ngữ học

Bùi Khánh Thu

Đã có

9

Phong cách học tiếng Việt

Phong cách học tiếng Việt

Đình Trùng Lũy, Nguyễn Thái Hòa

Giáo Dục

2001

Đã có

Tiếng Việt 7

Phan Thiệu, Nguyễn Kỳ Thạch

Giáo Dục

1993

Đã có

Tiếng Việt thành,

Nguyễn Đức Dân

Tổ sách Đại học Tổng hợp TPHCM.

1995

Đã có

Phong cách học thực hành tiếng Việt

Võ Bình, Lê Anh Hùng

Giáo Dục

1883

Đã có

Tiếng Việt 9

Lê Công, Nguyễn Quang Ninh

Giáo Dục

1995

Đã có

Hệ thống số nhân văn bản

Nguyễn Đăng Dung (et al)

Thống kê.

1997

Đã có

Kiểm tra số nhân tố và trình bày văn bản

Viết Kim Thành

Thơ ng Kê

2006

Đã có

10

Tiếng Việt báo chí

Báo chí và thông tin quốc tế

Đỗ Xuân Hà

ĐHQG HN

1997

Đã có

Ngôn Ngữ báo chí,

Vũ Quang Hào

Thông Tin

2007

Đã có

Báo chí và những vấn đề lý luận và thực tiễn

Hà Minh Đức

ĐHQG Hà Nội

1997

Đã có

Lịch sử báo chí Việt Nam (1968 – 1945)

Đỗ Quang Hồng (cb)

ĐHQG Hà Nội

2001

Đã có

11

Tiếng Việt thông mại

Tiếng Việt Thông mại

Hwang Gwi Yeon, Đinh Lê Giang

PUFS Press: Pusan, Hàn Quốc

2005

Đã có

12

Lịch sử kinh tế Việt Nam

Giáo trình Lịch sử kinh tế.

Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý

Đời học Kinh tế Quốc dân

2008

Đã có

Giáo trình Kinh tế Việt Nam

Nguyễn Văn Thành, Trần Khánh Hoàng

Đại học Kinh tế Quốc dân

2010

Đã có

Nông nghiệp Việt Nam từ cải cách ruộng đất đến đổi mới.

Bùi Huy Đáp, Nguyễn Đình

Chính trị Quốc gia, Hà Nội

1996

Đã có

Các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, VI, VII, VIII, IX, X Đảng Cộng sản VN.

Đảng Cộng Sản Việt Nam

Số Thuật, Chính trị Quốc gia, Hà Nội

1982 - 2006

Đã có

45 năm kinh tế Việt Nam (1945-1990)

Đào Văn Tập

KHXH

1990

Đã có

Một số vấn đề về lịch sử kinh tế Việt Nam

Lê Quốc Sơn:

Chính trị Quốc gia, Hà Nội

1998

Đã có

Kinh tế Việt Nam thăng trầm và đột phá

Phạm Minh Chính, Võ Văn Ngân Quân Hoàng

Tri Thức, Hà Nội

2009

Đã có

Quá trình phát triển công nghiệp Việt Nam

Phạm Xuân Nam (chủ biên)

KHXH

1994

Đã có

Kinh tế xã hội VN 10 năm đầu tiên (1986-1995)

Tổng Cục Thống kê

Thống kê

1996

Đã có

Tổng cục kinh tế Việt Nam 1975-1989

Đông Phong

Tri Thức

2013

Đã có

13

Đã lý Việt Nam

Đã lý kinh tế Việt Nam

Văn Thái

Thống kê

2003

Đã có

Đã lý tự nhiên Việt Nam

Vũ Thị Lập

ĐHSP TPHCM

2005

Đã có

Đã a lý kinh tế xã hội Việt Nam

Lê Văn Thông (Cb)

ĐHSP TPHCM

2003

Đã có

Nông nghiệp nông thôn Việt Nam 20 năm đổi mới và phát triển

Đông Kim Sơn

Nxb Chính trị Quốc gia.

2006

Đã có

Niên giám thính kê

Thống kê các Thống kê

Thống kê

2010

Đã có

14

Ngữ pháp tiếng Việt (Tổ loai và ngữ điệu)

Ngữ pháp chức năng tiếng Việt: Ngữ điệu và từ loại

Cao Xuân Hòa (CB)

Giáo Dục

2005

Đã có

Ngữ pháp chức năng tiếng Việt: Câu trong tiếng Việt

Cao Xuân Hòa (CB)

Giáo Dục

1992

Đã có

Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại

Nguyễn Tài Cường

KHXH

1975

Đã có

Ng pháp tiếng Việt: tiếng - ghép - đơn ngữ

Nguyễn Tài Cường

ĐH&THCN

1975

Đã có

Ng pháp tiếng Việt: từ loại

Đinh Văn Đức

ĐH&THCN

1996

Đã có

Nghiên cứu và ứng dụng pháp tiếng Việt

Nguyễn Kim Thìn,

Giáo Dục

1997

Đã có

Tư liệu tiếng Việt

Lê Biên

Giáo Dục

1999

Đã có

Đang tìm trong tiếng Việt

Nguyễn Kim Thìn

KHXH

1999

Đã có

Tiếng Việt: Mấy vấn đề ngữ âm - ngữ pháp - ngữ nghĩa

Cao Xuân Ho

Giáo Dục

1999

Đã có

Ngôn pháp tiếng Việt

UBKHXHVN

KHXH

1983

Đã có

15

Ngôn pháp tiếng Việt (Câu và các phương pháp tình thái)

Ngôn pháp chức năng tiếng Việt: Câu trong tiếng Việt

Cao Xuân Hoang (CB)

Giáo Dục

1992

Đã có

Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp

Nguyễn Văn Hiệp

Giáo Dục

2008

Đã có

Lôgic - Ngữ nghĩa – Cú pháp

Nguyễn Đức Dân

ĐH & THCN, H.

1987

Đã có

Lôgic và tiếng Việt

Nguyễn Đức Dân

Giáo Dục

1996

Đã có

Tiếng Việt, số thao tác pháp chức năng' (quyển 1)

Cao Xuân Hồ

KHXH, TP HCM

1991

Đã có

Ngành pháp chế năng tiếng Việt: Ngôn ngữ và văn học

Cao Xuân Hồ (CB)

Giáo Dục

2005

Đã có

“Mục ý nhận xét về vế tình thái và ý nghĩa Th (aspect) trong tiếng Việt”

Huỳnh Văn Thông

Tc. Ngôn ngữ số 8 và	Ngôn ngữ	số 10
----------------------	----------	-------

2000

Đã có

“Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học”

Lê Đông - Nguyễn Văn Hiệp

Tc. Ngôn ngữ số 7 và	Ngôn ngữ	số 8
----------------------	----------	------

2003

Đã có

16

Khoa học Việt Nam

Khoa học Việt Nam, tạp chí: Thời đại đá Việt Nam

Hà Văn Tuấn (chủ biên)

Khoa học Xã hội, Hà Nội.

1998

vi.wikipedia.org,

khoahoc.com.vn

Đã có

Khoa Văn học Việt Nam, tập II: Thơ i đ i kim khí Việt Nam

Hà Văn Tấn (ch biên)

Khoa Văn học Xã hội, Hà Nội

1999

sfa-antiques.com

Đã có

Khoa Văn học Việt Nam, tập III: Khoa Văn học Lịch sử Việt Nam

Hà Văn Tấn (ch biên)

Khoa Văn học Xã hội, Hà Nội

2002

Đã có

Những nền văn hoá khoa học tiêu biểu Việt Nam

Phạm Văn Đồng, Phạm Võ Thanh Hà

Văn hoá Thông tin

2006

Đã có

Di sản thế giới Việt Nam 2005

Trung tâm công nghệ Thông tin du lịch.

2005

Đã có

Khoa Công nghệ Thông tin và Số liệu Thành phố Hồ Chí Minh,

Đông Văn Thành, Vũ Quốc Hùng, Nguyễn Thị Huệ ...

Trần, TP. Hồ Chí Minh

1998

Đã có

Điều Khiển Chạm 1988

Khoa học Xã hội, Hà Nội.

1988

Đã có

Văn hoá Đông Sơn Việt Nam

Hà Văn Tấn (chủ biên)

Khoa học Xã hội, Hà Nội

1994

Đã có

Theo dõi các văn hoá cổ

Hà Văn Tấn

Khoa học Xã hội, Hà Nội.

1997

Đã có

Đón vại Lịch sử Văn hoá Việt Nam

Hà Văn Tấn

Hội Nhà Văn.

2005

Đã có

Các nhà văn của Việt Nam

Hoàng Xuân Chinh

Lao Động, Hà Nội.

2005

Đã có

Di tích văn hóa thời Nguyễn

Họ Vĩnh

Thư viện Hoá.

2000

Đã có

Di tích gốm cổ Bình Định: mô hình gốm và sản phẩm gốm liên quan,

Kerry Nguyễn Long

Khảo cổ học, số 3- 1998, tr.101- 111.

1998

Đã có

Tìm hiểu về lịch sử kiến trúc tháp Champa

Lê Đình Phương

Văn hoá Thông tin & Văn Văn Hoá

2005

Đã có

Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trước thế kỷ X

Lê Thị Liên

Thị Giới.

2006

Đã có

Khoa cử Đăng Nai thi tiến sĩ

Lê Xuân Diễm, Phạm Quang Sơn, Bùi Chí Hoàng

Đăng Nai

1991

Đã có

Văn Hoá Óc Eo – Nghiên cứu khám phá mới

Lê Xuân Diễm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khôi

Hà Nội

1995

Đã có

Vùng Quốc Champa

Làng Ninh

Đại học Quốc gia Hà Nội.

2006

Đã có

Nước Phù Nam

Làng Ninh

Đại học Quốc gia TP HCM

2006

Đã có

Văn hoá cổ Champa

Ngô Văn Doanh

Tr

2002

Đã có

Thánh địa Mỹ Sơn

Ngô Văn Doanh

Tr

2003

Đã có

Văn hoá và cộng đồng dân cư vùng sông Cửu Long

Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diễm, Mạc Đình

Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.

1990

Đã có

17

Văn hoá Đông Nam Á

Văn minh Đông Nam Á

Đình Trung Kiên 2006,

Quân đội Nhân dân.

2006

vi.wikipedia.org,

khoahoc.com.vn

Đã có

Lịch sử văn minh thế giới

Vũ Đình Ninh (chủ biên)

Giáo Dục

2000

sfa-antiques.com

Đã có

The Art of Southeast Asia

Philip Rawson

Frederick A. Praeger, New York. Washington.

1967

Chưa có

Di sản thế giới, tập 1: Châu Á

Bùi Đ

Tr

1999

Đã có

Di sản thế giới, tập 2: Châu Á

Bùi Đ

Tr

1999

Đã có

Địa điểm thí điểm, tập 10: Châu Á bổ sung

Đã có

Nghệ thuật Đông Nam Á

Cao Xuân Phụng (chính biên)

Việt Nam Đông Nam Á, Hà Nội.

Đã có

Di sản thế giới Việt Nam 2005

Trung tâm công nghệ Thông tin du lịch

2005

Đã có

Điều Khảo Châm

Khoa Văn Xã Hội, Hà Nội.

1988

Đã có

Cham art - Treasures from the Da Nang Museum, Vietnam, Thames & Hudson, London

Emmanuel Guillon

2001

Đã có

Ancient Angkor

Michael Freeman and Claude Jacques

River Books, Bangkok, Thailand.

2005

Chưa có

Văn Khoa học Tiến sĩ Đông Nam Á

Hà Văn Tấn (chủ biên)

Văn Đông Nam Á, Hà Nội.

1983

Chưa có

Văn hoá Đông Sơn Việt Nam

Hà Văn Tấn (chủ biên)

Khoa học Xã hội, Hà Nội

1994

Chưa có

Đông Nam Á số 100 c

D.G. E. Hall

Nhà sách Khai Trí.

1968

Đã có

[]

The bronze Age of Southeast Asia

Charles Higham

Cambridge University Press.

1996

[]

Chưa có

[]

Các nền văn hóa Việt Nam

Hoàng Xuân Chinh

Lao Động, Hà Nội.

2005

[]

Đã có

The Art of Champa, La Renaissance du livre.

Jean-Francois Hubert

2005

Chưa có

Lịch sử các nước ASEAN

Khúc Thành, Sơn Phúc

Tr.

2001

Chưa có

Lịch sử Mĩ thuật Việt Nam Đông

Sherman E. Lee ; biên dịch : Trần Văn Huân

Mĩ Thuật.

2007

Chưa có

Nghệ thuật Phật giáo và Hindu giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trước thế kỷ X

Lê Thị Liên

Thư Giới.

2006

Chưa có

Vương Quốc Champa,

Làng Ninh

Đại học Quốc gia Hà Nội

2006

Đã có

Lịch sử Đông Nam Á

Lưu Nguyễn (chính biên)

Giáo Dục.

2005

Đã có

Danh thiếng và Kiến trúc Đông Nam Á

Ngô Văn Doanh

Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

1998

Đã có

Nghệ thuật Đông Nam Á

Ngô Văn Doanh, Cao Xuân Phụng, Trần Thế Lý

Lao Động.

2000

Đã có

Văn hoá cổ Champa

Ngô Văn Doanh

Trần

2002

Đã có

Những nhân mĩ thuật ngoài Phương Tây

Michael Kampen Oriley; Phan Quang Đỉnh biên dịch

Mỹ Thuật.

2005

Chưa có

Quần thể di tích Huế

Phan Thuần An

Trở

2005

Chưa có

Văn Lịch sử Đông Nam Á thời cổ

Phạm Nguyên Long (chủ biên)

Văn Đông Nam Á, Hà Nội

1983

Đã có

The Plain of Jars – A Guide Book, Vientiane, Lào.

Bounmy Thepsimuang

2004

Chưa có

Việt Nam Đông Nam Á- Quan hệ lịch sử văn hoá

Viên nghiên cứu Đông Nam Á

Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

1995

Đã có

18

Đội công nghệ Văn học Việt Nam

Lịch sử văn học Việt Nam

Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương

Đại học & Trung học chuyên nghiệp

1978

Đã có

Độc đáo mới lạ văn học Việt Nam

Lê Trí Viễn

Đại học & Trung học chuyên nghiệp

1976

Đã có

Ngũ văn 10, tập 1

Giáo dục

2008

Đã có

19

Đi cùng Văn học Việt Nam

Lịch sử văn học Việt Nam tập 1,

Đinh Gia Khánh, Bùi Duy Tân, Mai Cao Chương

Đi học & Trung học chuyên nghiệp

1978

Đã có

Đã có điểm môn Văn văn học Việt Nam

Lê Trí Việt

Điểm học & Trung học chuyên nghiệp

1976

Đã có

Ngũ văn 11, 12, tập 1

Giáo dục

2008

Đã có

20

Liên kết và số nhân theo văn bản tiếng Việt

Các bình diện của và tiếng Việt

ĐH Huế Châu

ĐHQG, HN.

1997

Đã có

Đã viết đúng tiếng Việt

Nguyễn Khánh Ngân

Trở

2006

Đã có

Đã viết tiếng Việt tốt hay

Nguyễn Khánh Ngân

Trở

2006

Đã có

Tiếng Việt thành

Nguyễn Minh Thuật (chủ biên)

ĐHQG HN.

1997

Đã có

Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt

Trần Ngọc Thêm

KHXH, HN.

1985

Đã có

Những điều ước biết đời sống theo văn bản

Vương Hoàng Tuấn

Tr

2001

Đã có

Độc hiệu tiếng Việt

[]

Lê Thị Minh Hằng, Nguyễn Văn Phú

sách lưu hành nội bộ, ĐH KHXH - NV

2001

[]

Đã có

21

ASEAN và quan hệ Việt Nam - ASEAN

Tình quan với ASEAN và tiềm năng TP. HCM trong tiến trình hội nhập

Nguyễn Quốc Lộc, Nguyễn Công Khanh. Đoàn Thanh Hoàng

Tình hình TP. HCM

2004

Đã có

Việt Nam học và Nhập môn Khu vực học

Trần Lê Bảo

Giáo Dục, Hà Nội

2008

Đã có

Lịch sử Đông Nam Á

Phan Ngọc Liên

Giáo dục

1999

Đã có

Sẽ hình thành chủ nghĩa khu vực của ASEAN

Nguyễn Ngọc Dũng

ĐHQG TP.HCM

2002

Đã có

Đổi sách của các nước Đông Á trở về với hình thành các khu vực mậu dịch tự do (FTA) cuối những

Lưu Ngọc Trâm

Lao động - Xã hội, HN

2006

Đã có

The New Asian Challenge

Bergsten C Fred

Institute for International Economics (IIE). Washington DC

2000

Chưa có

[]

Contemporary South East Asia

Robert C. Bone

New York: Random House

1962

[]

Chưa có

[]

East Asia and the New Regionalism

Arvind Panagariya

World Economy 17, No.

[]

Chưa có

22

Từ Hán – Việt

Đầy và học từ Hán Việt trong thông

Đông Đốc Siêu

Giáo dục.

2001

Đã có

Một văn bản tiếng Việt hiện đại

Trình Địch học KH XH và NV

ĐHQG TP HCM.

2001

Đã có

Từ Hán Việt trong tiếng Việt hiện đại

Huỳnh Thanh Xuân

ĐHQG TP HCM.

2004

Đã có

Mở rộng vốn từ Hán Việt

Nguyễn Công Lý

ĐHQG TP HCM.

2002

Đã có

Tình hình sử dụng laptop Hán Việt trong mặt số thi loại i phong cách chức năng (luôn văn cao học)

Nguyễn Hoài Thu Ba

1998

Đã có

Nguyên gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt

Nguyễn Tài Cẩn

KHXH

1979

Đã có

Mở rộng nghĩa từ Hán Việt

Phan Ngọc

Thanh Niên

2000

Đã có

Một số nhận xét về tri thức và xu hướng số đông người Hán Việt học sinh, sinh viên hiện nay (luôn vẫn c

Trần Thi Kim Anh

1999

Đã có

Giải thích các từ gốc âm, gốc nghĩa để nhóm m

Trần Chính

Giáo dục.

1997

Đã có

23

Lịch sử tiếng Việt

Sự biến hoá của âm tắc giữa (obstruents mediales) trong tiếng Việt

M. Ferlus

Từ Ngôn ngữ

2/1997

en.wikipedia.org

Đã có

Vấn đề phân loại các ngôn ngữ ở Đông Nam châu Á

S.E. Jakhontov

Tc Ngôn ngữ

1/1991

Đã có

Phân ngành học tiếng Việt

Hoàng Thị Châu

ĐHQG HN

2004

Đã có

Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử

Nguyễn Ngọc Sơn

ĐHSP, HN

2003

Đã có

Giáo trình lịch sử Ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)

Nguyễn Tài Cẩn

Giáo Dục

1995

Đã có

Nguyễn Ngọc và quá trình hình thành cách thức Hán – Việt

Nguyễn Tài Cẩn

ĐHQG HN

2001

Đã có

Giáo trình Lịch sử tiếng Việt (sơ thảo)

Trần Trí Dõi

ĐHQG HN

2005

Đã có

24

Văn hoá Du lịch Việt Nam

Du Lịch Ba Miền: Đất Phụng Nam.

Ngôn Bưu

Trà, TPHCM

1998

Tuoitre.com.vn,

sggp.com.vn,

Đã có

Đặt Việt Môn Yêu: Ngành Nho Đông Á Việt Nam.

Phạm, Côn Sơn

Đông Nai

1998

sgtt.com.vn,

vietnamtourism.org

Đã có

Hosts and Guests: The Anthropology of Tourism

Smith, Valene L.

University of Pennsylvania Press

1997

Đã có

Du lịch và Du lịch Sinh Thái.

Thị Đức

Lao Động, Hà Nội

2003

Đã có

Du lịch Văn Hóa Việt Nam

Thu Trang Công Thành Nghĩa,

Trần, TPHCM

2001

Đã có

25

Tiến trình lịch sử Việt Nam

Tiêu trình học tập Việt Nam (Giáo trình)

Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên)

Nxb. Giáo dục

2003

Đã có

26

Ngôn ngữ học đại cương

Nghiên cứu đại cương về các ngôn ngữ (Sách tham khảo)

Lê Quang Thiêm.

NxbĐHQG HN

2004

27

Phương pháp giải toán vật lý

Sách tay giải toán vật lý dành cho học sinh (Sách tham khảo)

Phan Văn Giảng

Nxb Văn hoá Sài Gòn

2009

13. Hồ sơ đăng nhập học chính quy trình

Trên đây là toàn bộ chương trình đào tạo, phương pháp tiến bộ học tập, những mối quan hệ công tác với các đơn vị liên quan đến việc đào tạo sinh viên ngành Vật Nam Học bậc Đại học học chính quy.

Chương trình này được áp dụng cho sinh viên bậc Đại học học chính quy ngành Vật Nam Học khóa 2013 và sau. Ban Giám đốc, Giáo viên Khoa Vật Nam Học triển khai thực hiện trên cơ sở căn cứ vào các Quy chế liên quan và giáo dục đào tạo của Hội đồng Tr�ng Đại học Khoa Học Xã hội – Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

HỘI ĐỒNG TR�NG

TR�NG KHOA

Chi tịch HĐKH&ĐT Khoa VNH

PGS.TS. Võ Văn Sen

PGS.TS. Lê Khắc Cường

[1](#) Quy định Không nhận miễn học phí cho thí sinh

Có nhận miễn học phí cho thí sinh

2 Chỉ dành cho sinh viên Việt Nam, theo hình thức tích luỹ. Khi xét tốt nghiệp, sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 1 trong các ngoại ngữ sau: Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn, Tây Ban Nha, Ý theo quy định chung của Trường. Sinh viên là Việt kiều và người nước ngoài thì thi tiếng Việt để xem là ngoại ngữ 2 và đã được tích hợp vào các môn học, để biết là các môn thi tiếng Việt khả năng theo Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam ban hành kèm theo

Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT

ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[5](#) Khóa luận tốt nghiệp: Dành cho những sinh viên có đủ điều kiện và điểm (điểm trung bình tích luỹ toàn khóa từ 7,5 điểm trở lên) và có nguyện vọng làm khóa luận. Những sinh viên được miễn 10 tín chỉ thuộc các học phần tự chọn (chỉ học 130 tín chỉ). Nếu khóa luận được đánh giá tốt (5 điểm) trở lên, sinh viên sẽ được xét cấp bằng tốt nghiệp.

[\[*\]](#) Đã có học bạ a có tại Khoa đại học giáo trình, tập bài giảng.